

Lời nói đầu

Thơ mới là một hiện tượng văn học rất phong phú, đa dạng và phức tạp trong nền văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945. Nó thể hiện là một cuộc cách mạng trong thi ca, thơ mới đã thoát khỏi một bế tắc trong hình thức quan trọng giữa những thành tựu của thi ca phương Tây và thi ca phương Đông với truyền thống thi ca dân tộc. Nhờ bước tiến hình thức đó mà thi ca Việt Nam đã góp phần tiến nhanh trên con đường hiện đại hóa.

Trong phong trào Thơ mới, xuất hiện lên rất nhiều tên tuổi nổi bật như Xuân Diệu, Huy Cận, thơ Lữ, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên...mà cho tới nay, các nhà nghiên cứu phê bình văn học ít nhiều đã làm rõ những điểm điểm và nghệ thuật, phong cách của họ. Riêng đối với Hàn Mặc Tử thì vẫn có nhiều ý kiến khác nhau, thơ Hàn Mặc Tử là một hiện tượng độc biệt trong phong trào Thơ mới. Nếu như Xuân Diệu được xem là “nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới” (**Thi nhân Việt Nam**, Hoài Thanh, Hoài Chân) thì Hàn Mặc Tử được xem là một đỉnh núi thơ mới nhất mà chỉ xuất hiện một lần duy nhất trong thi ca Việt Nam hiện đại. Dù các nhà nghiên cứu phê bình đã tiến nhiều công sức để giải mã về thơ Hàn Mặc Tử nhưng hành trình đi tìm lời giải đáp cho vấn đề **Hàn Mặc Tử anh là ai?** mà Chế Lan Viên từng nêu ra vẫn chưa có câu trả lời nào thật thỏa đáng, hiện tượng thơ Hàn Mặc Tử vẫn đang là vấn đề gây nhiều hứng thú, hấp dẫn đối với độc giả đời sau.

Khi tìm hiểu về thơ Hàn Mặc Tử, tôi nhận thấy có một điểm sau đây mà chúng ta cũng cần phải suy nghĩ: **Thơ mới**, cuộc đời đời của Hàn Mặc Tử một phần không thể tách rời với “bệnh điên” và ông mất khi tuổi đời đang còn rất trẻ, bên cạnh đó ông cũng có rất nhiều “ngộ tình” với những chuyện tình không thành. Nhưng chúng ta cũng không nên vin vào cớ này mà gán ép những sự đau đớn, giày vò về thơ xác định tình thần vào trong thơ Hàn Mặc Tử, một dù những điều đó ít nhiều đều có tác động đến nhà thơ trong quá trình sáng tác. Bởi chúng ta tiếp cận thơ của Hàn Mặc Tử trên khía cạnh văn bản tác phẩm nghệ thuật và đi sâu vào thơ giải nghệ thuật của tác giả biểu hiện qua tác phẩm, chỉ không phải tìm hiểu về các sự việc liên quan đến cuộc đời riêng của tác giả. **Thứ hai**, Hàn Mặc Tử chịu ảnh hưởng của nhiều trào lưu, chủ nghĩa khác nhau, một mặt ông kế thừa truyền thống thi ca của dân tộc và thơ cổ điển (Đông phương thi), một khác ông tiếp thu ảnh hưởng của chủ nghĩa lãng mạn, tượng trưng và siêu thực của phương Tây (chủ yếu là của Baudelaire, Verlaine, Andre Breton, Lamartine...). Cho nên thơ Hàn Mặc Tử có sự giao thoa, pha trộn lẫn nhau giữa hai nền thi ca phương Đông và phương Tây, nói như GS Phan Cẩm Đồi: “Hàn Mặc Tử đã đi một chặng đường dài từ cổ điển qua lãng mạn rồi từ lãng mạn chuyển nhanh sang tượng trưng và chủ nghĩa siêu thực, rồi cuối cùng lại trở về chủ nghĩa lãng mạn” (**Thơ văn Hàn Mặc Tử, phê bình và thưởng thức**). Vì vậy, việc tiếp cận thơ Hàn Mặc Tử là không hề đơn giản, đòi hỏi chúng ta phải có những hiểu biết nhất định về các trào lưu, chủ nghĩa có ảnh hưởng đến thơ Hàn Mặc Tử, trong quá trình nghiên cứu chúng ta cũng cần phải chú ý rằng sự ảnh hưởng của nó đối với thơ Hàn Mặc Tử là những cách khác nhau. **Thứ ba**, cần phải thừa nhận một điều là thơ Hàn Mặc Tử mang đậm sắc thái tôn giáo, đầy chất đạo và chất đời. Nhưng theo ý kiến của tôi, chúng ta tiếp cận thơ Hàn Mặc Tử từ khía cạnh văn học, khía cạnh nghệ thuật của tác phẩm, vì thế chúng ta cũng không nên đi nhiều về vấn đề tôn giáo như: ảnh hưởng của Phật giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo...xét cho cùng, tôn giáo chỉ là vấn đề

ngoài đời cá nhân thì sẽ mãi mãi thôi. Nói như vậy không có nghĩa là khi nghiên cứu thơ Hàn Mặc Tử, chúng ta sẽ bỏ qua sự ảnh hưởng của tôn giáo, bởi dù muộn dù không thì cũng cần phải bàn đến đôi điều vì sự ảnh hưởng của nó trong thơ Hàn Mặc Tử là không thể chối bỏ được. Cái cốt lõi là chúng ta phải làm sáng tỏ thơ gì và vì sao như thế trong thơ Hàn Mặc Tử. Thứ nhất, khi tìm hiểu thơ Hàn Mặc Tử chúng ta cũng cần phải nắm vững quan niệm và nghệ thuật của Hàn Mặc Tử cũng như nghệ thuật tuyên ngôn nghệ thuật của nhà thơ và các Trường phái thơ (có mối quan hệ mật thiết với nhà thơ, Hàn Mặc Tử là chủ yếu của Trường phái thơ), nghệ thuật quan niệm hay tuyên ngôn, suy nghĩ và thi ca của Hàn Mặc Tử cũng như các Trường phái thơ là một trong những chìa khóa để giúp chúng ta tìm hiểu hành trình mãi mãi thơ Hàn Mặc Tử.

Nghiên cứu khoa học là cần phải đi tìm tòi, khám phá những tri thức mới để nâng cao cũng là “ôn cố tri tân”, nắm vững những cái cũ để hiểu thêm những điều mới mẻ. Qua đó, con người có thể hoàn thiện mình và hiểu biết thêm về thế giới và con người.

Nghiên cứu văn học cũng không ngoài mục đích vừa nói trên. Nghiên cứu về góc độ thi pháp học đòi hỏi phải có sự trang bị kiến thức về văn học, tri thức học, lý luận... và một điều quan trọng nữa là phải có một khả năng quan sát, sáng tạo, tư duy...Thi pháp học đó cũng là những khó khăn gặp phải trong việc tìm hiểu trên tất cả, bằng sự say mê, lòng yêu mến, bằng tình yêu ham học hỏi, giao lưu thì chúng ta sẽ thu được thành quả xứng đáng với khả năng của mình và xem đó là một niềm vui lớn trong quá trình nghiên cứu, học tập.

Tập tiểu luận này nghiên cứu thơ Hàn Mặc Tử từ góc độ thi pháp học về ba phương diện: **quan niệm nghệ thuật và con người, không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật**. Trong khả năng và phạm vi kiến thức, tôi xin được trình bày những ý kiến của mình về những phương diện thi pháp vừa nêu của thơ Hàn Mặc Tử để chia sẻ cùng các bạn. Kiến thức như một biển cả mênh mông, vô tận trong khi sự hiểu biết của con người có giới hạn ví như một giọt nước giữa lòng đại dương bao la kia, và vì vậy tập tiểu luận chỉ có thể tránh khỏi những sai sót nhất định, rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn để được sửa chữa.

Nguyễn Thành Ân

A. GIỚI THIỆU TÁC GIẢ, TÁC PHẨM:

I. Cuộc đời:

Hàn Mặc Tử tên thật Nguyễn Trọng Trí, sinh năm 1912, mất năm 1940, mới 28 tuổi. Quê Mẹ Lộ, Đông Hải, Quảng Bình. Từ nhỏ học Phép, ông có Phép Nhàn, ông nói Phép Bối, vì liên can quố c sđ trn vào Thđ Thiên đđi ra hđ Nguyễn. Cha Nguyễn Văn Toản, mẹ Nguyễn Thị Duy, anh Nguyễn Bá Nhân, hai chđ Nhđ Nghĩ, Nhđ Lộ, và hai em Nguyễn Bá Tín, Nguyễn Bá Hiđ.



Ông học tiểu học ở Quảng Ngãi, khi cha chết, mẹ đđn vđ Qui Nhđ, đđy ông tđp làm thđ Đđng luđt lúc 16 tuổi lđy bút hiđ là Minh Duđ Thđ. Học trđng Qui Nhđ đđn năm thđ ba, ông ra Huđ học tđi trđng dòng Pellerin, chính đđt Thđn Kinh non nđđc hđu tình có truyđn thđng thđ phú, nđi quy tđ nhiđu nhân tài đđ nhđ hđng và mđ cánh cđ a tđ duy trí tuđ tài hoa thúc đđy ông trđ thành thi nhđn. Ông đđng thđ trên báo Phđ Nđ Tân Văn, Sài Gòn vđi bút hiđ Phong Trđn. Thđ i gian này Đông Đđng khđng hođng kinh tđ, gia đđnh sa sút, không còn đđiđu kiđn ông phđi nghđ hđc đđ làm sđ đđc đđđn mđt đđ, bđ đau rđi mđt viđc. Vào Nam làm báo ít lâu lđi trđ vđ Qui Nhđn, kđ đđ mđc bđnh hđi... vào Nhà thđng Quy Hòa và mđt tđi đđ.

Khi vào Sài Gòn làm báo ông lđy bút hiđ Lộ Thanh (tên làng Mẹ Lộ, chánh quán Tân Thanh ghé lđi). Ông chiđm giđi nhđt cuđc thi thđ cđ a mđt câu lđc bđ thđ, bút hiđ Lộ Thanh nđi tđng tđ đđ. Ông cđng tác vđi báo Trong Khuđ Phòng, Đông Đđng Tuđn Báo, Ngđđđi Mđi. Năm 1936 khi chđ trđng tđ phđ trđng văn chđng báo Sài Gòn, ông mđi đđi là Hàn Mặc Tử. Tđp thđ Đđng luđt mang tên Lộ Thanh Thi Tđp có 3 bài Thđc khuya, Chùa hoang, Gái đđ chùa đđđc Phan Sào Nam (Phan Bđi Châu) hđ a vđn lđi. Năm 1936 tđp thđ Gái quđ xuđt bđn là mđt chuyđn hđng sang Thđ mđi.

Cuđi năm 1936, Hàn Mặc Tử đđ xđng viđc thành lđp Trđng thđ Lođn (còn gđi là nhóm thđ Bình Đđnh hay Bàn Thành tđ hđu), ban đđu Trđng thđ Lođn gđm bđn thành viđn: Hàn Mặc Tử, Quách Tđn, Yđn Lan, Chđ Lan Viđn, sau có thêm Bích Khê, Hoàng Diđp, Quỳnh Dao... Quách Tđn và Yđn Lan, hai thành viđn cđ a nhóm, khi còn sđng đđu đđ khđng đđnh Trđng thđ Lođn là mđt nhóm thđ. đđ, sđ gđn kđt vđi nhau bđng tình thi ca, bđng hđu, hđn là mđt trđng phđi sáng tác. Sau khi Hàn Mặc Tử mđt (1940), Trđng thđ Lođn bđt đđu tan rđ. Mđc dù Yđn Lan, Chđ Lan Viđn và Bích Khê vđn chđi thân vđi nhau, song không còn ai tha thiđt vđi viđc duy trì hođt đđng Trđng thđ. Nó còn tđn tđi mđt thđ i gian nđ a, rđi rác trong các sáng tác cđ a Bích Khê và kđt thúc cùng vđi sđ qua đđi cđ a ngđđđi “mang rõ phong cách cđ a Trđng thđ Lođn, ngđđđi công đđn trung thành cđ a vđng quđc” là Bích Khê vào năm 1946.

Năm 1938, thơ y bệnh tình khó qua khỏi, gia cảnh càng sa sút, Hàn Mặc Tử sau nhiều lần do đó đã quyết định vào bệnh viện phong cùi Qui Hòa chữa miễn phí để tránh gánh nặng cho gia đình, đến năm 1940 ông qua đời.

II. Tác phẩm:

Hoạt động cầm bút của Hàn Mặc Tử tác ra nhiều thơ loại, trong đó thơ ca là lĩnh vực chủ yếu và đạt nhiều thành tựu đáng kể, bên cạnh đó lĩnh vực văn xuôi và kịch thơ cũng có nhiều đóng góp cho văn học Việt Nam, ngoài ra ông còn tham gia viết báo, viết thơ cho các tập thơ của Chế Lan Viên, Bích Khê...

Tác phẩm của Hàn Mặc Tử gồm: các tập thơ *Lửa Thanh thiếp*, *Gái quê*, *Đau thơ đau*, *Xuân nhũ ý*, *Thơ tình thanh khí*, và các vở kịch thơ *Cơm châu duyên*, *Duyên kỳ ngợ*, *Quần tiên hội*, và *Chị gái mùa trăng* (văn xuôi). Trong các tác phẩm của Hàn Mặc Tử thì chỉ có *Gái quê* là được xuất bản (1936) khi nhà thơ còn sống.

Lửa Thanh thiếp, đây là tập thơ cổ điển (thơ Đường luật), nhưng hiện nay vẫn chưa xác định được số lượng bài thơ là bao nhiêu vì di cảo của Hàn Mặc Tử để lại do nhà thơ Quách Tấn (bản thân của Hàn Mặc Tử) cắt gọt nhưng sau đó đã bỏ sót một số bài.

Gái quê, tập thơ xuất bản năm 1936, với những bài thơ bình dị, mộc mạc của cảnh vật làng quê, nhưng xúc cảm ban đầu tình yêu đôi lứa của tuổi thanh xuân nhưng lại nồng nàn, rõ rệt.

Đau thơ đau, hay còn gọi là *thơ Điên* gồm ba phần: *Hội thơ m*, *Một đêm*, *máu cuống* và *hồn điên*. Tập thơ chứa đựng những niềm đau khổ, rời loạn, nó phát ra những khúc nhạc buồn thơ đau đớn và tẻ nhạt mà buồn không khí trầm đẫm. Lời thơ dìm máu mang một nỗi đau thơ đau mãnh liệt, một linh hồn cô độc, khổ não. Tập thơ đi từ lãng mạn đến thơ ngơ ngơ.

Xuân nhũ ý và *Thơ tình thanh khí*, Hàn Mặc Tử đi lên lên từ địa hạt thơ ngơ ngơ đến địa hạt siêu thực. Tập thơ là lời ca tụng cái xuân thơ m của trời đất, đây là một mùa xuân theo ý muốn của thi nhân, mùa xuân trong thơ ngơ ngơ với bao lời kinh cầu nguyện, hội thơ đẹp hân, hoa phồn thịnh, nhạc thiêng liêng và mang đậm chất tôn giáo. Bên cạnh đó là những giấc chiêm bao huyền bí.

Cơm châu duyên, vở kịch thơ với những tình huống tình cảm của tác giả: nàng Thơ tình Thơ tình. Lời thơ nhẹ nhàng, trong sáng với một tình thơ mộng và đậm đà.

Duyên kỳ ngợ, cũng với những tình Thơ tình Thơ tình, thi sĩ Hàn Mặc Tử đi tìm một nguồn thơ mới, lấy lại vào chủ đề non thanh tú, trong ý là những sự, những chim và những tiếng tiêu reo cùng với khúc tình thơ, bày tỏ giữa chàng và nàng.

Quần tiên hội, là vở kịch thơ nối tiếp theo câu chuyện *Duyên kỳ ngợ* nhưng viết chưa xong. Tác phẩm này có phần nào “tiên cảnh” hơn các vở kịch thơ trước đó.

Chữ i giã mùa trăng, ánh trăng mùa thu lan tỏa trên dòng sông nhỏ trong cõi mộng, chữ a đẽng dòng chữ đẽng trong sách thánh thiện, không nhẽng có *trắng* mà còn có các yếu tố *nhỏ* và *hẹp* *ng*. Mối tác phẩm văn xuôi không kém phần sức sống và hình thức

B. TÌM HIỂU MỘT VÀI PHƯƠNG NG DIỆN THI PHÁP THỰC HÀNH MỘT SỐ :

Thi pháp học có mặt lịch sử phát triển rất sớm và đồ c xác lập đầu tiên bởi tác phẩm *Nghệ thuật thơ ca* của Arixtot, nội dung của nó là trình bày những nguyên lý về cách thức sáng tạo của các tác giả thơ cổ đại. Trải qua từng giai đoạn phát triển với nhiều trường phái nghiên cứu khác nhau nhưng cho đến nay *Thi pháp học* vẫn đang là lĩnh vực tồn tại nhiều quan niệm khác nhau với nhiều cuộc tranh luận gay gắt và chưa đi đến chỗ thống nhất đồ c.

Vì định nghĩa thi pháp học thì cũng có nhiều ý kiến khác nhau nhưng có lẽ định nghĩa dưới đây của V.Girmunxky là cô đúc nhất: *Thi pháp học là khoa học nghiên cứu thi ca (văn học) về cách là nghệ thuật*. Nhưng định nghĩa khác chỉ là sơ khai triền cựa nó mà thôi.

Nội dung nghiên cứu của thi pháp học là nghiên cứu hình thức cấu trúc và nội dung thuộc tính nghệ thuật của văn học từ góc độ nghệ thuật. Nghệ thuật của mỗi ngôn ngữ, mỗi dân tộc, mỗi thời đại khác nhau cho nên nghiên cứu thi pháp học cũng phải tuân thủ theo nguyên quan niệm nghệ thuật của dân tộc, của thời đại ấy.

Nếu xem thi pháp học là một bộ phận hoàn chỉnh nhất nó với lý luận văn học là không hợp lý. Thi pháp học chỉ nghiên cứu hình thức cấu trúc và nghệ thuật tính của văn học dưới góc độ nghệ thuật, cho nên phải xem thi pháp học là một bộ môn độc lập trong hình thức các bộ môn nghiên cứu khoa học. Thi pháp học nghiên cứu văn học từ tất cả các thể loại như thơ ca, truyện, tiểu thuyết, kịch... Vì nghiên cứu thi pháp học hiện nay đang chiếm vị trí ngày càng quan trọng trong nghiên cứu văn học.

Đôi khi người nghiên cứu của thi pháp học là hình thức mang tính nội dung. Nội dung của văn học là cuộc sống đã được ý thức và cũng là sự ý thức về cuộc sống, còn hình thức của văn học là tính xác định của cuộc sống, của ý thức về cuộc sống. Do đó, giữa hình thức và nội dung có mối quan hệ sâu sắc: nghiên cứu hình thức cũng là nghiên cứu nội dung.

Thi pháp học nghiên cứu văn học ở rít nhiều phần ng di n nh ng t p trung ở m t s ph n ng di n c t lỗi sau đây:

- Quan niệm nghề thủ công con người.
- Không gian nghề thủ công.
- Thời gian nghề thủ công.
- Thời lo ngại và kết thúc.
- Ngôn ngữ.

Tiêu luận này nghiên cứu thơ Hàn Mặc Tử từ góc độ thi pháp về ba phương diện như đã nói trong Lời nói đầu, đó là: **quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật và thi pháp gian nghệ thuật**. Cũng cần nói thêm rằng, Hàn Mặc Tử là một hiện tượng rất lạ trong phong trào Thơ mới của nền văn học hiện đại Việt Nam giai đoạn 1930-1945, chủ yếu như hình ảnh của một người trào lưu chủ nghĩa phương Tây. Do vậy, nghiên cứu thơ Hàn Mặc Tử phải nhìn từ góc độ hoàn cảnh lịch sử, thời đại và những quan niệm về nghệ thuật của giai đoạn văn học lúc bấy giờ.

I. Quan niệm nghệ thuật về con người:

Thi pháp học xem hình tượng con người, cách xây dựng nhân vật là một phạm trù rất quan trọng. Con người chính là đối tượng chủ yếu của văn học, là trung tâm của quan niệm thẩm mỹ của nghệ sĩ khi sáng tác bất cứ thể loại nào. Thơ mới 1932-1945 đã cho chúng ta hình ảnh về con người trong quan hệ tình yêu, trong trạng thái mộng mị, buồn sầu, cô đơn, đặc biệt đã chú trọng khắc họa hình ảnh con người trong tiềm thức. Quan niệm nghệ thuật về con người khác hẳn nguồn tư nhu cầu từ bậc lớp của nhà thơ sĩ, nó gắn liền với cái tôi trữ tình của nhà thơ. Đó là tiếng nói bên trong tâm hồn thi nhân. Con người là yếu tố trung tâm trong thế giới hình ảnh của thơ trữ tình và luôn được hình tượng hóa các mặt khác nhau. Hình tượng con người hiện lên như một nhân vật đặc biệt. Nó là kết quả của sự khái quát hóa hiện thực, nhưng thực chất là hiện thực chủ thể. Quan niệm nghệ thuật về con người là sự biểu hiện con người tinh thần của nhà nghệ sĩ, song nó không đồng nhất đến gần với con người nhà thơ. Hàn Mặc Tử là nhà thơ đã có một nhu cầu đóng góp vào phương diện này.

1. Con người và vũ trụ:

Một trong những đặc điểm của văn hóa phương Đông là coi con người như một bộ phận của thế giới “Thiên, Địa, Nhân”, con người là một “tế bào vũ trụ”. Điều này thể hiện trong văn chương thành con người tượng trưng, tượng trưng cảm với thiên nhiên. Từ đó sinh ra một đặc điểm nghệ thuật của thơ ca, đặc biệt là thơ ca dân gian và thơ ca trung đại: dùng thiên nhiên làm thế “ngôn ngữ thơ hai” để miêu tả và diễn đạt các trạng thái tình cảm của con người. Đặc điểm này được tiếp nối và cách tân bởi Thơ mới. Khi Thơ Mới “du nhập” vào thiên nhiên, khi nhà thơ của Bích Khê “vòng cây ngô đồng” hoặc khi Huy Cận cảm ứng với vườn vút “nghìn cây mơ ngả, muôn lòng hé phôi” thì có nghĩa là giữa thiên nhiên và con người còn có sự phân cách. Ở Hàn Mặc Tử sự phân cách này biến mất, ông hoà nhập hoàn toàn vào thiên nhiên, không phân biệt chủ thể – khách thể. Điều này làm cho thơ ông đậm chất siêu thực. Trong bài *Nói chuyện với Gái quê* ông tả khắc họa hình ảnh của mình:

*Ta thế ngả tay níu ngàn mây
Đi lên lang thang trên ngọn cây.*

Hàn Mặc Tử không làm xiết ngôn từ, ông thực sự tin và sống với những hình ảnh do mình tưởng tượng ra, hay nói như Chế Lan Viên, ông “không làm thơ mà bắt thơ làm”. Do hoà nhập với thiên nhiên, do khát vọng con người, Hàn Mặc Tử có những hành động lung lũng “ngọt đắm mây”, “đuối theo trăng”, “kìm sao bay”... Như vậy, nhà thơ của con

ngươi không phải để cưỡi trên mặt cách gián tiếp kiểu “vết mình vẩy gió tuôn mả” mà để cưỡi trên bóng tác động trực tiếp của con người và thiên nhiên, gây ra những tình huống như:

*Em xé toang hỡi gió
Em bóp nát tờ trắng
Em túm muôn trái lị
Em cỡi vồng hồng ngàn...*
(Em điên)

Đây không phải là việc nhân cách hoá, phú cho sự vật những tình cảm của con người. Nhân cách hoá để cưỡi trên mặt thi pháp so sánh, còn Hàn Mặc Tử ít dùng thi pháp so sánh. Ông coi sự vật hiện nhiên là con người “Thôi rồi ! Con trăng nó bỏ vồng trên cành trúc kia kìa, thây không ? Nó gầy mãi mà không sao thoát ra được, biết làm thế nào hỡi Trí ?” (*Chị gầy mùa trăng*). Bởi nếu có sự phân cách giữa chủ thể và khách thể thì khách thể sẽ đứng lên để chủ thể những tình cảm, cảm nghĩ theo kiểu “tức cảnh sinh tình”. Hàn Mặc Tử thực sự sống trong đời thực, trải nghiệm cùng đời thực. Nhà nghiên cứu Đỗ Lai Thuý cho rằng trong thơ Hàn Mặc Tử có hiện tượng “người hoá trăng” và “trăng hoá người” mà “người hoá” mới vật mới vật đều mang những tình cảm của con người: trái “tôi bị cảm động của sự sống mới”, trăng “choáng váng với hoa tàn cùng người”, gió “say mê tột tột trong màu sáng”, hỡi người “liếm cặp môi tôi”... Loại tình duy này gần với loại tình duy của người nguyên thủy cổ xưa, để ngửi con người với sự việc và người khác. Trong bài viết có tính chất tuyên ngôn *Nghệ thuật là gì ?*, ông viết: “Những muốn tìm cái tính cách thiêng liêng của nó (tức nghệ thuật) thì nên đóng vai người sĩ quảng mình đi giữa cái vũ trụ mệnh mang rồi thì theo những nguyên vọng cao xa, thì sẽ thấy hình ảnh rõ rệt của nghệ thuật”. Quan điểm này có phần tương đồng với quan điểm của Xuân Diệu “là thi sĩ nghĩa là ru với gió...”. Thực tế thì nghệ thuật nên các nhà thơ lãng mạn phải đi tìm “cái phi thường” ngoài thế giới. Do quan niệm không gian trên cao là nơi “chứa đầy hoa mộng” nên con người trong thơ ông luôn luôn hướng lên cao, khi thì “thần trí dâng cao đến chính trời”, khi “lên chúi cung qu”... Trong tình huống con người là “chim phụng hoàng, với cánh bay chín tầng trời Đâu Suốt”. Hầu như không có hình ảnh con người trên đời thực, con người ra đi trong thế giới các nhà thơ lãng mạn khác, chỉ có hình ảnh con người bay trong không gian. Đời sống nghệ thuật càng lên cao, niềm hướng khát của tác giả càng mãnh liệt:

*Hỡi vồng phiêu diêu trong gió nhè
Bay giang hồ không sót mặt phương nào
Càng lên cao đây vọng vọng càng cao
(Say thơ)*

2. Con người trong những trạng thái cảm xúc nghịch lý:

Thi sĩ Hàn Mặc Tử mới mới đi trong mặt thi trình để đạt tới thế cũ đến thế mới. Trong vầng thơ *Động lòng* (*Là Thanh thiếp*), người ta thấy xuất hiện mặt con người có tâm vóc trạng thái phụ, đều đến trái, chân đến đất “nam nhi chí” mang những sắc thái vũ trụ qua các bài thơ *Thức khuya*, *Chùa hoang*, *Tuổi đời*, *Cảnh khuya cảm tác*,

Buổi thu, đêm biếc là bài *Đêm khuya trên sông Hương*. Đó là chất đời, cảm hứng thơ của một con người theo kiểu nhà nho xưa. Nhưng trong con người nho sĩ tài tử đó đã ẩn hiện một con người khác: con người mang cảm hứng trữ tình lãng mạn. Một nhà nho chính tông thì không thể viết:

Bây lâu sát ngõ, chong ngấn trăng
Không dám sờ tay sờ lên hương
Xiêm áo hôm nay tôi chênh quá
Dám ôm hôn cúc trong sương.
(Hôn cúc)

Rõ ràng đây là một con người bồng dợn ghê gớm, tuy chưa vượt qua hẳn quan niệm “nam nữ thụ thụ bất thân”. Sau này trong *Gái quê*, con người này hiện hiện với chân dung của kẻ si tình mà mang thơ ông vào ngách thơ:

Em có ngủ đâu trong nhàn đêm
Trăng ngà giải bóng mặt em
Anh đi thơ thẩn nhàn ngâm
Hương lầy hương ngấn trong áo em
Say mê vâng phở mùi hương
Yêu cái môi hương chong nói ra...
(Âm thơ)

Từ đây Hàn Mặc Tử xuất hiện chính như một nhà thơ mới lãng mạn sau khi trút bỏ ý thức của đời. Người ta cho rằng đây mới là con người sâu lắng của Hàn Mặc Tử với đầy đủ các tư tưởng tình và các cung bậc cảm xúc, lên lên đi qua các tập *Thơ điên*, *Xuân nhậy*, *thơ thanh khí*, *Cơm châu duyên*, *Quên tiên*...
...

Nhìn một cách bao quát, con người trong thơ Hàn Mặc Tử trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác của nhà thơ hiện ra như một chỉnh thể với một quán lý và một số phức tạp. Nó dung chứa sự bất hòa giữa các đời của cảm xúc và cũng hàm ẩn sự thăng trầm giữa chúng. Nhưng cảm xúc nghịch lý ấy đặt bên nhau làm nên cái lạ trong thơ Hàn Mặc Tử.

3. Con người cô đơn, đau đớn:

Con người cô đơn là một mô típ quen thuộc của thơ lãng mạn. Xuân Diệu, Nguyễn Bính cô đơn vì không tìm thấy sự chia sẻ, cảm thông của người khác “Thôn Đoài người nhớ thôn Đông, cau thôn Đoài người giữ không thôn nào”. Hàn Mặc Tử cô đơn vì bị cách ly khỏi thế giới: “Anh nằm ngoài sự thức, em nằm trong chiêm bao” (*Anh điên*). Khoảng cách chia ly trong thơ ông không phải là sự chia cắt trong một không gian gì đó bên này, bên này, thôn Đoài, thôn Đông mà là sự chia cắt trong hai không gian hoàn toàn cách biệt ngoài sự thức, trong chiêm bao, ngoài mây nước, bên kia trời... Chính vì khoảng cách không gian vô cùng như vậy mà nỗi cô liêu của con người càng trở nên khiên cưỡng “một vũng cô liêu cũ vẩn đục”. Nhưng đau đớn nhất là tình thế

của ông biến thành tiếng khóc, tiếng cười, tiếng rú. Đó là nỗi đau sâu sắc, trăn trở, mang tầm vóc vũ trụ:

*Nghĩ hoài Nghĩ, muôn năm sầu thẳm
Nhớ thơ ng còn nhớ niềm xuyến ng thôi
(Muôn năm sầu thẳm)*

Nỗi đau đớn của đời thì bằng nhịp điệu của sự cuộn ng trí vô vọng:

*Anh nuốt phết hàng chữ
Anh cuộn vào lòng thì
Anh cuộn cuộn cuộn cuộn
Hồi thì đứt làm đôi.
(Anh điên)*

học bằng nhịp điệu buồn thẳm thía:

*Rao rao gió thổi phết ng xa rồi
Buồn đâu say ng m áo xuân ai.
Lay bay rồi hát, buồn rồi
E buồn trong mộng có đêm nay.
(Buồn đây)*

Tôi đi tìm nhìn của con người bị quan các nhà Thơ mới hay nói đến cái chết. Cái chết ngang trái của những người trình bày “hàng nhan bậc minh”, “cái chết lênh lờ không gì t n m t của người đi xót thơ ng... Trong thơ Hàn Mặc Tử còn có những cái chết kì dị, lạ thơ ng: mây chết đuối, trăng t t. Phải chăng đó là nỗi ám ảnh về cái chết đang đến gần với tác giả, và phải chăng cũng từ thơ của thân xác đau thơ ng mà trong thơ ông có nhiều hình ảnh máu đến thơ? *Làn môi thiêu n t t i nh máu, m t nh t tan thành máu, gánh máu, máu đang t t i...*

Cuộc đời trong quan niệm của các nhà thơ lãng mạn là sự d dang, không tr n v n. Thơ Hàn Mặc Tử cũng nằm trong cảm hứng ấy. Cũng như Xuân Diệu, ngay khi sự sống đời ng h i m n m n trong mùa xuân t t i th m là thơ Hàn Mặc Tử đã nhìn thấy cái kết của o não của nó:

*Sóng c xanh t t i g m t t i tr i
Bao cô thiêu n hát bên đời
Ngày mai trong đám xuân xanh y
Có k theo ch ng b cu c ch i.
(Mùa xuân chín)*

Mặt trong nghệ thuật tiêu chuẩn để đánh giá tài năng nghệ sĩ là cái lạ, cái độc đáo. Sáu mươi năm trước, đức thơ Hàn Mặc Tử, Hoài Thanh viết: “Ta chỉ thấy trong văn thơ của kim không có gì kinh dị hơn”. Thơ ca Hàn Mặc Tử lạ trong cách suy nghĩ, lập ý, so sánh, trong cách dùng từ ngữ, hình ảnh. Và cái lạ nhất là mặt con người phải trải qua

những nỗi đau thể xác và tinh thần ghê gớm như vậy những gì họ nói chung không bị quan mà luôn mơ ước, họ sống thì giờ vĩnh hằng và cũng là con người đã vượt ra khỏi trong những vẻn vẹn trong sáng nhất của thơ ca Việt Nam:

Trong làn nắng ngời ngời khói mờ tan
Đôi mái nhà tranh lờ mờ vàng
Sột soạt gió trêu tà áo biếc
Trên giàn thiên lý bóng xuân sang
(Mùa xuân chín)

4. Con người “thèm khát” ái tình mà lại đầy mê cớ mênh mông:

Ngay từ thời cổ điển (Lê Thanh thi pháp) và tập thơ lãng mạn đầu tiên *Gái quê*, đã xuất hiện con người này trong thời thơ ấu chàng trai mới lớn tràn đầy sức sống, sung mãn khí huyết, rạo rực tình yêu, những lời thơ đẹp mắt con đề ngăn giở những con thơ yêu triu khát vọng của lòng mình. Phía bên này bờ đề là dòng trào dâng những cơn sóng *thèm, mu, rạo rạo, đêm đầu, buâng khuâng, bời bời, tình...* Đứng thái phẫn bỉn của con người “thèm khát” này trong Hàn Mặc Tử là *đầu i theo, chớ y theo, rồ i i, rồ i t theo...* những bóng giai nhân, những người:

Đêm y mê hoa đỏ cờn đàng
Say sưa ta đầu i bóng trắng đang
Vấn vu lượn gió như lượn lượn
Đem lị bên tai tiếng thơ than
(Chớ y theo hỡi nh phúc)

Sóng đầu i nhau vờ sỡ giang
Xa xôi ai biết thiếp mong đầu i chàng
(Trên bờ)

A ha ! Ta đầu i theo trăng
Ta đầu i theo trăng
Trăng bay lượn ngời trên cành vàng
Tôi đây là tôi đỏ cớ gờp nàng
(Rồ i t trắng)

Cái tâm trạng “thèm khát” yêu đương bốc lên rồ i t xô bờ, dồn dể:

Lúc y lòng ta như rạo rạo
Buâng khuâng thèm uong rồ i u Quỳnh Dao
Ai i thèm lị cái yêu đương
(Chớ y theo hỡi nh phúc)

Chớ thèm càng vờ sau xuất hiện càng nhiều vẻ đẹp cao:

Thèm thuồng nên mê i say sưa
(Vần v)

Làn môi mung mnh tti nh máu
Đã khiên môi tôi m p máy thèm
(Gái quê)

Đã nhìn tti n m t con chi n a
Ta v i k môi c n k o thèm
(Quê d a)

Đi đôi v i thèm là khát, là uong và nu t. Tt c đ u là trng thái khao khát h ng th tình ái m t cách mãnh li t:

Sóng sao m t n c rung rinh
Lòng ta khát mng chung tình t lâu
Ung đi cho b t khô h u
Ung đi cho b t cái s u mênh mang
Có ai nu t ánh trăng ngàn
Có ai nu t c bóng nàng tiên nga
Đã thèm cái gi c m hoa
(Ung trăng)

và có khi ph i li m n a m i th a:

Hoa n ng d u dàng d y nũng n u
Sau rò kh li m c p môi tti i.
(Nng tti i)

Th Hàn Mặc Tử cũng không gi u gi m nh ng khao khát ái tình cháy b ng c a chàng trai b giày vò yêu đ ng b ng đ p khúc ta thích:

Ta thích đ ng l ng trên b ao
L ng nghe trong b i tti ng thì thảo
C a hai lu ng gió đang v ng v n
Mà tti ng lòng ta cũng r t rào.

Ta thích ng i m d i g c đa
Ch ng i năm ngoái có đi qua
Yêu th ng nú l i r i tình tti
Tti ng lá vèo bay ta ng là.

Ta thích len vào trong đám lau
Núp ch trắng xu ng đ quàng nhau

Giờ đó ân ái nhỡ năm ngoái
Gió lúi, ta ngơ nàng tởi sau...
(M)

Chàng trai sung mãn ấy cợt “chờ ngời năm ngoái” đi qua “núi lúi tình tởi”,
đó “chờ trắng xuồng” mà “quàng nhau”, “giờ đó ân ái”. Khao khát ái tình bí ẩn thì sẽ trở
thành kẻ tình si vọng ngơ trơ:

Tôi thích nép mình sau cánh cửa
Hé nhìn đáng đĩu cửa ngời yêu
(Tôi không muốn gặp)

Rồi rồi yêu đến ngơ trơ chí đã có lúc lên tởi mà điên cuồng:

Đêm nay ta lúi phát điên cuồng
Quên cửa hở ngời cửa thẹn thùng
Đến mãi trước thềm nghe ngóng mãi
Tiếng đàn the thé bên song
(Tình thu)

Có lúc khao khát ái tình đã hờn ng tởi hôn nhân:

Ông mai mị cửa nhỡ ngô n
Ngời ta cửa cửa xuân cửa v
Nên ân tình nhỡ máu trên môi
Còn em sao cửa biệt hở ngời
Đi mai mị anh đi lúi húi.
(Cửa cửa xuân, cửa cửa v)

Rồi nghĩ đến hờn ng thơ ái ân, hình phúc:

Ái tình biệt đĩu căng
Hoa thẹn thì nín lúi
Hờn ng thẹn thì bay lan
Em tôi thì hờn h
Áo xiêm lúi m tởi vàng.
(Sáng trắng)

Khi hờn ng thẹn kẻ lúi mi
Khi tình mị chẹn vào nhau
Đôi ta biệt chẹn c thì sao ?
(Biệt chẹn c)

Những câu thơ khao khát ái tình của Hàn Mặc Tử đến dạt như sóng triu cửa sông
sôi mãi theo chiều dài thi ca không sao kể xiết. Nhìn vào diện mạo ngôn từ thơ “nhà thơ
đây đã phóng chiếu những rồi rồi của bên ngoài ra ngoài vũ trụ” (Con mị thơ _Đ. Lai

Thúy), còn với Hoài Thanh, Hoài Chân trong *Thi nhân Việt Nam* thì nhận xét: “tập *Gái quê* và *Une voix sur la voice* (của Phạm Văn Ký)...đều bắt nguồn từ tình dục”. Ngay từ ta cũng truy tìm nguyên nhân của những tình huống này, thật xác lập lại của thơ Hàn Mặc Tử như sự sống, đa thê trong rốn mình, thậm chí còn những hành động dục vọng như âm thanh của giao hoan:

Ôi chao mê toàn thân như khoái cảm
Như đêm xuân uong phôi rêu Quỳnh Tuyền
Không đâu mà có điếu chỉ vờ a cảm
Đến tâm linh báo hiệu phi thường
Má ị má núng động tình
Môi sao ị t đờ ta thêm bất bao
Nng ị nng có lên cao
Làm sao da thê hng hào thê kia
Mùi thê m sao n bay lìa
Xem duyên tái hợp r ị v mà đang...
(Duyên kỳ ngộ)

Thơ Hàn Mặc Tử là “sự kết hợp của chất nhục cảm dân dã, trần tục với chất thánh thiện siêu thoát tạo ra sự nghịch lý, chói ng, đau đớn đến” (*Kinh nghiệm thơ và hành trình tinh thần của Hàn Mặc Tử* – Võ Long Tế). Thêm khát tình ái đến mãnh liệt, đến dĩ nhiên chỉ là một nửa trong con người của Hàn Mặc Tử. Còn nửa kia là sự dồn lòng cho nhục vọng dục vọng ham muốn của bản thân: sự khốc liệt của thi sĩ.

Trên, chúng ta mới chỉ đề cập đến những cơn thèm triêu khát vọng tình ái đến, có lúc lẫn lộn tràn qua con đề vô hình trong Hàn Mặc Tử. Giờ đây, phía còn lại của con đề là một thế giới bao la, thanh sạch vô ngần, một thế giới tâm hồn trong vút của chàng thi sĩ như buổi sáng khai. Bên cạnh những khát khao mãnh liệt là sự sạch khốc của một con người như nhút nhát, vng v, xù h, ngng ngi trong tình yêu. Nhìn thấy tình nhân, con người ị y không dám đi đến, gặp mặt:

Có ị trong thng ng ị tôi yêu
Đôi má đờ bng tôi chng theo
Tìm thng hng thê a trong nng gió
Thê ị, làn gió tho ng bay vào...
(Tôi không muốn gặp)

Chàng trai si tình không dám gặp người yêu mà chỉ đứng xa yêu trầm như thê m, “nép mình sau cánh cửa” để nhìn theo:

Tôi không muốn gặp người yêu
Có ị vì tôi m c c nhũ
S c đp nòn nà hay quy n luy n
Làm tôi hoa m t nói không đũ.
(Tôi không muốn gặp)

Đó cũng là tâm trạng không dám sờ tay sờ lúm hún ngời đời khát khao dám ôm hôn cúc trong sóng ng. Bên cạnh con người thêm khát tình ái như bậc lã và nhĩ ng đời tình khá k và nhĩ ng “kích bìn “ yêu đời ng bng cảm giác hĩ ng thĩ m kĩ mĩng và ngon nhĩ tình mĩ cĩn, lĩ là mĩt con người hiĩn lành, luôn tĩ “chĩ a” cho mình mĩt khoĩng vĩng mĩ nhĩn, đời xa thĩt xa đời chiêm ngĩng nhĩng dung nhan khĩ ái cĩa ngĩĩ thĩng, dù rĩng có khi đời xa quá sĩ nhìn không rõ lĩm nhĩng vĩn đời và mĩ hĩ:

Mĩ khách đời ng xa, khách đời ng xa
Áo em trĩng quá nhìn không ra
(Đây thôn Vĩ Dĩ)

Chàng trai si tình tĩ khĩc chĩ nhĩng cĩn bão lòng tình ái yêu đời ng:

Đĩng ! Đĩng ! Cô chĩ nên nghe
Nhĩng lĩ ta nói là mê...mê...mê !
Cô đi vĩ ! Cô đi vĩ
Nhĩn ta mĩt cái trĩnh kia không còn...
(...)
Cô đã cho hĩn ta mó tĩ i
Chĩt to rĩ i ! Mĩt cĩ ý tĩ i non
Mĩt nhĩm đi nha !
Mĩt nhĩm đi nha !
Đĩng nghĩ gĩ nha !
Đĩng nghĩ gĩ nha !
(Ý trĩnh)

Và nhĩ vĩy, tĩ cái khoĩng vĩng mĩ nhĩn trĩnh bĩch vĩy, con người thĩ sĩ tĩ kĩ ám thĩ đã rĩ i vào mĩt khoĩng vĩng ái tình. Nghĩĩ là luôn đời xa mà hoài vĩng tình yêu âm thĩm, nhĩng si say đời mĩ nhĩn ngĩĩ thĩng và hĩt sĩc nhĩt nhĩt. Con người vĩy tĩ cho mình luôn luôn có mĩt khoĩng cách xa vĩ i trĩĩ cĩ ái tình:

Khách xa gĩp lúc mùa xuân chín
(Mùa xuân chín)

Mĩ khách đời ng xa, khách đời ng xa
(Đây thôn Vĩ Dĩ)

Tĩ đời xa lĩm xĩn chĩ a tĩ đi
(Say nhĩng)

Khoĩng vĩng ái tình ngày càng xa vĩ i và trĩ thành vĩc thĩm ghĩ gĩm trong tâm hĩn cĩa “ngĩĩ trĩ tĩ thĩy mĩ” (Duyĩn kỳ ngĩ). Đó là mĩc cĩm chia lĩ, tĩ khĩc chĩ, ngĩn lòng mình trĩĩ cĩ tình yêu cháy bĩng. Nhĩĩ ám nhĩ vĩ cái xa vĩy ngày càng sâu đời

trong không gian cõi thực, mà khi ng khi p h n đó con là kho ng cách siêu thực giữa cõi m và cõi thực:

Anh nằm ngoài sự thực
Em ngồi trong chiêm bao
Cách xa nhau biết mấy
(Anh điên)

Anh đứng cách xa hàng thơ già
Lơ ng nhìn trong mộng miêng em cười
(Lơ lửng)

Con thuyền tình “lơ ng lơ trong hiu quạnh” không thể là “bến lòng em” bởi vì “xa xôi quá biết làm sao” và “anh đứng cách xa hàng thơ già” còn thơ mãi mãi là “khách đến xa”...Người thi sĩ lúc yêu đến cuồng tâm trí, như đến như điên, như điên...vậy mà trước hàng thơ ái ân lại trao cho mình một kho ng vng ái tình kỳ lạ. Đứng thái ki m ch kh c k này biết thành lời thơ van v, có cảm giác như là van xin chính mình. Đã khao khát ái tình, người ta thơ ng mong đến hôn nhân, như ng Hàn Mặc Tử lại muốn cái giây phút hàng thơ hình phúc ân ái xin hãy đến vng đến, vì một lẽ:

Như ng cái gì thơ m đã tôi
Tôi e tình tôi bớt say mê
Không còn ý như ban đầu
Sợ chán trước ng và sợ chán chê
(Tôi tâm hôn)

Nói cách khác, tình yêu chỉ đẹp trong mộng tình h n là khoái cảm nh c d c t m thơ ng. Điều này h ply v i quan niệm “tình cảm” của Hàn Mặc Tử trong *Quan niệm thơ*. Với thi sĩ, điều quan trọng là để c s ng b ng m m ng, tuy nhiên không phải là hàng thơ nh c d c thân xác t m thơ ng:

Cho nên tôi tình tôi tâm hôn
Chưa tôi còn xa để đến c buồn
Đến sống trong niềm thơ ng như đã
Đến còn mộng tình đến giai nhân
(Tôi tâm hôn)

Với Hàn Mặc Tử, tình yêu là chiêm ng ng mê say chỉ không phải chiêm đo t s h u tr n t c. Yêu là giữ gìn cái Đẹp vĩnh viễn như một ngu n t i, s tr ng trong nguyên v n, m t v yêu và m t v tâm...Có lẽ vì thế mà khi nàng Thơ ng Thơ ng đến say trao tình và chỉ đến:

Tôi có em là trân châu quý giá
Dành cho anh riêng hàng thơ h nh phúc này

*Em kết tình bao thanh sắc
Tòà thiên nhiên đức sẵn đẽ mê say
(Duyên kỳ ngộ)*

Thì ngộ i trai tũ thùy mĩ i chĩi tũ cao thĩi ng:

*Anh chĩi ngĩi say em trong chĩi c lát
Đĩi hĩi n thĩi dào đĩi t vĩi mây bay
Gĩi n em luôn đĩi hĩi ng bao khoái lĩi c
Thĩi a em ! Không ! Anh đâu dám mê say
Thĩi chào em, giĩi đi không trĩi lĩi i
Anh xa rĩi i mà hĩi ng phĩi n vĩi n theo luôn
(Duyên kỳ ngộ)*

Ta hiểu vì đâu mà trong lòng ngộ i thi sĩ “đĩi ng trĩi” Hàn Mặc Tử lúc nào cũng tĩi n tĩi mĩi t con đĩi ngĩi giĩi nhĩi ng đĩi t thĩi y trĩi u ân ái rĩi o rĩi c. Phía bên kia con đĩi y là gĩi ng nĩi c phĩi ng lĩi ng trong vĩi t cĩi a mĩi t hĩi ái tình thanh sĩi ch vô ngĩi n. Hai đĩi i cĩi c nghĩi ch lý yĩi đĩi c dung hòa trong mĩi t con ngĩi i kỳ đĩi cĩi a thi sĩ. Nghĩi ch lý này giĩi i thích vì sao thĩi Hàn Mặc Tử vĩi a là tĩi ng gĩi m cĩi a cĩi n cuĩi ng lĩi u sĩi sĩi c khát vĩi ng tình yêu cháy bĩi ng nĩi i thĩi ng nguĩi n, cuĩi n cuĩi n vĩi n đĩi c tình ái qua nhĩi ng mĩi n bĩi bãi thĩi i gian trĩi m lĩi y, khĩi i, lĩi i vĩi a là dòng cĩi m châu trong vĩi t thanh và thĩi m tho đĩi n vô ngĩi n, ngào ngĩi t hĩi ng sĩi c êm đĩi u.

5. Con ngĩi i phân thân, con ngĩi i trong tĩi m thĩi c:

Thĩi i đĩi i mĩi i đã cĩi p cho con ngĩi i cái nhìn mĩi i vĩi thĩi giĩi i xung quanh, vĩi bĩi n thân. Con ngĩi i trong Thĩi mĩi i khao khát khám phá bĩi n thân, hĩi hay tĩi hĩi i “Ta là ai?”, “Tĩi là ai?”. “Hĩi nhìn sâu vào bĩi n thĩi mình, tâm hĩi n mình và có nhĩi ng khám phá lí giĩi i tình vi. Con ngĩi i trong thĩi Xuân Diĩi u, Huy Cĩi n là con ngĩi i thĩi ng nhĩi t vĩi linh hĩi n, thĩi xác, con ngĩi i trong thĩi Hàn Mặc Tử bĩi phân đôi:

*Tĩi dĩi m hĩi n xuĩi ng mĩi t vĩi ng trắng êm
Cho trắng ngĩi p trắng đĩi n lên tĩi i ngĩi c
Hai chúng tĩi lĩi ng yên trong thĩi n thĩi c
(Hĩi n là ai?)*

Sĩi phân cách hĩi n xác xuĩi t phát tĩi cuĩi c đĩi i tác giĩi (thân xác bĩi nh tĩi t bĩi cách ly vĩi i mĩi i ngĩi i) và cao hĩi n thĩi, phĩi n ánh iĩi c mong cĩi a tác giĩi: giĩi i thoát thân xác hĩi u hình đĩi tĩi n tĩi i vĩi nh vĩi n “cho tan ra hoà hĩi p vĩi i tình anh”. Con ngĩi i bĩi lĩi hoá vĩi i bĩi n thân, không hiĩi u bĩi n thân nên hay tĩi hĩi i: “Hĩi n là ai ? Là ai ? Tĩi không hay ?” (*Hĩi n là ai ?*). Trong khi Thĩi Lĩi tĩi gián cách vĩi i bĩi n thân nhìn mình mĩi t cách khách quan bĩi ng con mĩi t cĩi a ngĩi i ngoài cuĩi c “Thĩi Lĩi là anh chàng kỳ khĩi i” thì Hàn Mặc Tử nhìn mình tĩi bên trong:

Hĩi n đã lĩi nh, hình nhĩi hĩi n iĩi n lĩi nh

*Không buồn với việc xác đêm nay
(Hồn qua đêm)*

Nhà thơ Vũ Quần Phương có một nhận xét khá xác đáng về thơ Hàn Mặc Tử: “Thơ *Điên* ông hoàn toàn quay vào nội tâm để viết, một nội tâm hoàn toàn bất chấp đối với các sự kiện xã hội, các giao tiếp xã hội, hoàn toàn cô độc và luôn luôn phải đi một mình với cái chết, luôn luôn bất hành hạnh vì nội đau thân xác”. Có thể nói thêm rằng Hàn Mặc Tử là một trong những người đi đầu tiên trong lịch sử thơ ca Việt Nam khám phá trạng thái vô thức của con người. Nói cách khác trạng thái vô thức là một trong những đề tài thơ ca của Hàn Mặc Tử. Đó là một trong những lý do làm cho thơ ông khó hiểu. Đi tìm qua tất cả các tập thơ, bài thơ của Hàn Mặc Tử ta thấy rõ điều này: *Say nắng, Cao hừng, Say trăng, Nhẹ nhàng, Máu cuống, Hồn điên...* Ông diễn tả trạng thái tinh thần của mình khi nghe nhạc. Miêu tả “phút thôi miên”, miêu tả cuộc phiêu lưu của hồn “muôn bóng ý thun dồn lên chót vót”, trạng thái cuống của thi sĩ “trí ta sẽ cuống lên khoái trá”. Rồi nhiều lần ông nói đến giây phút thăng hoa của tinh thần “thần trí người đã mê man”, “trí rối ngợp bởi chong xuân hồn hồn”... Trạng thái khi say thơ “cổ lòng say tốt khí linh thiêng” và trạng thái tinh thần khi làm thơ cũng trở thành đề tài thơ ông miêu tả:

*Ta muồn hồn trào ra đầu ngón bút
Mũi mũi thơ đầu dính não cân ta
Bao nét chữ quay cuống trong máu viết
Nhẹ mê man chết điếng cổ làn da
(Rối m máu)*

Con người và sự vật trong thơ Hàn Mặc Tử thường ở trong trạng thái say. Gió “say lơ lửng trong màu sáng”, trăng xuân “trần trụi say chữ viết”, con người “say kinh cuồng nguy, say trời đất”, cổ vũ trẻ đầu tiên trong trạng thái quay cuồng “Say, say, say lơ lửng cổ trời thơ”. Với trạng thái tinh thần như vậy ta hiểu vì sao thơ ông gian ngỗ thu hút trong thơ ông chủ yếu là thơ ở gian ban đêm. Đêm là thời điểm thuận lợi nhất cho trí tưởng tượng mãnh liệt của nhà thơ được phát huy cao độ. Có lẽ lòng chằng khi một con người bất chấp lý với thế giới bên ngoài, một tín đồ Thiên Chúa ngoan đạo lại hay nhấc tay khi khoái nhạc? Cũng có khi Hàn Mặc Tử nói tay khi khoái nhạc của đời sống xác thịt, nhưng chủ yếu là khoái nhạc tinh thần. Ông tìm thấy khoái nhạc trong những giây phút thăng hoa của tinh thần: khi thì thơ, khi “ngồi còng hay thâm tâm đểng xáo đểng”. Ông có một định nghĩa về lòng với thơ: “thơ là sự ham muốn vô biên những người khoái nhạc trong trạng thái một cõi trời cách biệt” (*Quan niệm thơ*).

Sáng tạo nghệ thuật là đem tài năng cái tôi, cái người khác của ta nói đến, nghĩ đến. Thơ Hàn Mặc Tử đầy rẫy cái tôi. Là trong cách nhìn thơ giới:

*Hồn người đầu dàng đầu nũng nịu
Sau rào khóm liếm cặp môi tôi
(Người tôi)*

Cái tôi trong cách cảm nhận sự vật: “Ta đã ngắm hồn trăng đầu miêng”, tôi trong trạng thái tinh thần mê, rã rời, lơ lửng mơ, điên cuồng... trong cách biểu lộ tình

cầm: “Say tê trắng sồn sồn ng c lằn da”, trong cách dùng từ, so sánh, liên tưởng: “Xuân trên má nõng nhõng, ngon nhõ tình mĩi cồn” (Cao hõng), lại trong cách chuyển ý nhanh và xa, từ cách ông có sự chuyển kênh rất mau lẹ, phần ánh nhìn lại tình thần, khả năng liên tưởng mĩnh mĩ, chính vì vậy mà tác giả của *Thi nhân Việt Nam* cảm thấy “mặt l” khi đọc thơ Hàn Mặc Tử. Bài *Trắng vàng trắng ng* tác giả đi từ ý tưởng “bán trắng” đến “bán đoàn viên, c h h h” và đến l i h n:

*Bao giờ đâu trng vinh quy đã
Anh l i đây tôi th i ch th.*

Có thể đến ra rất nhiều ví dụ như vậy: *M hoa, Lang thang, Ng v i trắng...* Điều này làm cho kết cấu mặt sự bài không chặt chẽ, mặt khi thơ đến dùng hai bài khác nhau. Trong mặt bài có sự chuyển đổi từ nhân xưng: từ ta sang tôi, từ mi đến ta đến tôi... Điều này ông còn có những chuyển đổi rất mau lẹ từ tình thần đến cảm nhận thơ xác. Điều này cho ta thấy giác quan của ông rất nhạy bén. Ông sống thơ c s c tình thần và thơ xác v i những cái đang xảy ra. Nhìn trắng ông cảm thấy “ngọt ngào trong c h ng nh v a u ng xong ng m n c l nh, mát đến tê h t c l i và hàm răng” (*Ch i gi a mùa trắng*). Từ n i nh ng i yêu đến hành động vô thức “Anh đi thơ th n nh ngây d i, h ng l y h ng n ng trong áo em”. Từ trạng thái ghen đến phần ng xúc giác “mình l i i khô khan h t c th m” (*Ghen*)... Sự chuyển biến nhanh chóng của quá trình “ngo i c nh xâm l n xác th t và linh h n” chỉ phần sự chuyển đổi từ ng t c a ngôn ngữ thơ từ miêu tả sang diễn tả hoặc đến thơ:

*Trong khóm vi lau dào d t mãi
Ti ng lòng ai nói sao? Sao im đi
Ô kìa, bóng nguyệt tr n tru ng t m
L cái khuôn vàng d i đáy khe.
(B n l n)*

Nhiều nhà nghiên cứu phát hiện Hàn Mặc Tử hay dùng những từ liên quan đến môi, miệng như: *nu t, th m thu ng, h p, u ng...* Mặt mặt ông *h p, đ p, nu t v ng tr i, m i ng c i, m i trắng* mặt khác lại *ra, m a ra, c ra trắng, th , h n, ngu n th m...*

*Bên đ i ta ra trắng c
t áo nh ng mà ch a no nê
(Ý trnh)*

Số kết hợp giữa những hình ảnh, từ ngữ vốn rất xa nhau và nghĩa như vậy cho ta thấy tính chặt chẽ từ từ c và thoát từ c của thơ Hàn Mặc Tử. Nhà nghiên cứu Bùi Xuân Bào trong bài viết *Thi nh kh u c m trong thơ Hàn Mặc Tử* lý giải v n đ trên như sau: “Đ i v i Hàn Mặc Tử, thi h ng có nghĩa là thi sĩ nhận mặt lu ng c m h ng t ngo i gi i vào thơ xác và tâm h n, và sau đó thi sĩ biến lu ng c m h ng đó thành l i th”. Có thể giải thích thêm: ông tiếp nhận tình hoa từ ngo i gi i “đón t xa m t ý th” và phát từ ra thơ b ng t t c tình l c chính vì thơ mà ông có những v n th r m máu. Và những hành động “c i i nói làm sao cho h h i”, “c n l i th đ m máu trào” giải ng nh là sự giải thoát những n c, tâm trạng hoặc nỗi đau đè n ng trong lòng.

6. Con người và mối liên hệ:

Thơ Hàn Mặc Tử cũng như thơ của các nhà thơ lãng mạn khác, tràn đầy mộng tưởng. Họ coi đó là một trong những cách phản ánh hiện thực của mình là “con chim đến từ núi lửa”. Huy Cận thì khác hơn hình ảnh của mình là “chàng trai gửi mộng trên trang sách”, Hàn Mặc Tử coi mình là “người đi trong mộng”. Thân xác càng đau đớn cái chết càng đến gần, mộng tưởng càng cháy bỏng. Hàn Mặc Tử không chỉ mê mộng, ông thức suốt ngày trong mộng không phân biệt cái thực và cái ảo “Tôi ngửi dãi bùa đi trong mộng”. Vì sao Hàn Mặc Tử hay mê mộng như vậy? Thực tế ông không cho phép ông sống trong cuộc sống bình thường như mọi người, ông chỉ có thể yêu trong mộng, sống trong mộng. Nhưng dù cho sự phân chia ông không khi nào nghĩ đến như vậy thì ông cũng không thể thoát khỏi thực tại. Ông luôn mang cảm giác khát, thèm nhưng không phải là đói cơm, khát nước như có người nào mơ màng. Ông “khát miêng chung tình”, khát khao thèm thuồng “những vật lạ muôn đời” nghĩa là khát khao cái tuyệt vời, vô biên, cái không có trong cuộc sống trần thế “Tôi tìm ánh nắng vĩnh viễn đi trong mộng”. Vì thế con người kỳ lạ phải đi tìm nó ở Đức Chúa Trời, tức là một “cõi trời cách biệt”, ở thế giới siêu nhiên hay còn gọi là Thiên Đàng trong niềm tin của một tín đồ Thiên chúa giáo để có thể “hàng hái trái khác lạ”. Thế giới thực của ông là “bên xa mờ”, “nợ mờ”, “xả mờ”. Trong khi các nhà thơ khác mê đắm quá khứ thì thế giới mộng của Hàn Mặc Tử nằm ở niềm tin, ở ảo giác của ông, nằm ngay trong hiện tại:

Tôi đi u canh một tiếng canh thôi
Tôi thấy trăng mờ biến hoá như
Hồn người khói bụi ngoài xa mộng
Cố là một phút mờ nên thơ.
(Huyền Thoại)

Điều này gợi thích vì sao thơ Hàn Mặc Tử ít có kết cấu tượng trưng như xưa nay, gặp gỡ – chia ly như thơ của Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Thế Lữ. Các nhà thơ này dùng kết cấu tượng trưng để bộc lộ sự thất vọng với thực tại trong khi thơ Hàn Mặc Tử tràn đầy niềm mong đợi về một mùa “xuân như ý”. Chính vì vậy nên dù thơ của ông là thơ của một con người ý thức rõ cái chết đang đến gần nhưng thơ không gợi lên cảm giác bi quan tiêu cực như thơ Vũ Hoàng Chương. Những từ ngữ tiêu tán, biến hoá, tan.... Trong thơ không mang cái nghĩa thông thường của nó: cái chết, sự tàn lụi mà là sự biến hoá của vật chất từ dạng này sang dạng khác:

Nắng hoá thành trăng ra nắng
Lạ là một đêm mờ trắng đầu
(Huyền Thoại)

Học là sự hoà hợp, nhất thể của vật chất, của thân xác đau đớn trong một thế giới khác:

Một hồn đau rải lên theo hồn người
Một bài thơ cháy tan trong nắng rọi

Mặt tôi run hoi hóp giữa không trung
Còn niềm yêu ý nhớ, còn mặt vùng

hoá thành vũng máu đào trong ác mộng:

Đấy là tất cả những gì anh tiêu tán
Cùng trăng sao bàng bạc say mê
Cùng tình anh tha thiết nhớ vẫn thắm
Ràng rịt mãi cho đến ngày tận thế.
(Trên ngai ngai)

hoà tan thành mặt trời mới để chiếu sáng thế giới và cho thấy hình, để trở nên mãi cùng với vũ trụ:

Chúng ta biến em tôi, thành thanh khí
Cho tan ra hoà hợp với tình anh
Còn trái đất, còn muôn vàn ý nhớ
Và tình ta sáng láng như trăng thanh.
(Sáng láng)

II. Không gian nghệ thuật:

Không gian nghệ thuật là mặt phương diện của thi pháp học, nó chứa đựng những mã thông tin về quan niệm thế giới của nhà nghệ sĩ. Vậy không gian nghệ thuật là gì? Không gian là mặt trong nghệ thuật để thế giới và con người tồn tại, không gian là tất cả những gì đang tồn tại xung quanh chúng ta, nó là vũ trụ, là thiên nhiên bao la vô cùng. Bên thân con người cũng là mặt thế giới riêng trong lòng thiên nhiên, vũ trụ. Trong tác phẩm nghệ thuật, con người xuất hiện với tư cách là hình tượng con người, chúng ta không thể tách hình tượng ra khỏi không gian mà nó tồn tại. Vậy không gian nghệ thuật chính là hình tượng không gian trong tác phẩm, là không gian trong quan niệm của tác giả.

1. Không gian đời sống ái tình:

Tôi đưa hát Đọng thi của đời, sống có những rung động lắng mình của mặt cái tôi trữ tình khao khát yêu đương, Hàn Mặc Tử bộc lộ chân thật nỗi niềm, hòa nhập với cảm xúc mãnh liệt của cuộc đời thi sĩ đang đắm say với “trái tình”, “bội ái” như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư... Những khát vọng tình yêu đã làm nên biết bao rung động xao xuyến, những nhịp đập hồi hộp giăng mắc suốt hành trình thi ca Hàn Mặc Tử. Với Xuân Diệu, đời sống ái tình là “Mảnh vườn tình ái”. Nguyễn Bính lại hay nói đến “Vườn quê” và “Đất khách”. Trong con mắt yêu đương của Hàn Mặc Tử thì lúc nào cũng thấy, ở đâu cũng thấy, không gian luôn luôn thấm đẫm cái nhìn với đời sống tình yêu trai gái. Trong tập *Gái quê*, ta thấy xuất hiện không gian vườn tình, với đẹp của những miết vườn xanh tươi xứ Huế đã đi vào thơ Hàn Mặc Tử và hiện ra bằng bức tranh thiên nhiên “đầy trình tiết và đầy thanh sắc”.

Vì một phong trào nào đó, vì nó đã trở thành mô típ quen thuộc và không gian ái tình trong văn học. Đối với Hàn Mặc Tử, vì nó là điểm hẹn ái tình của chàng thi sĩ luôn rạo rức yêu đương. Trong cái vẻ nết nết rung rung không biết của Hàn Mặc Tử có biết bao mảnh vụn tình ái và vẻ đẹp tuyệt vời:

Vì nó ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền
(Đây thôn Vĩ Dạ)

Thơ Hàn Mặc Tử có nhiều hình ảnh hoa trái như gọi ra như ngọc vụn cam, vụn me, vụn dâu, vụn dưa. Tiếp đó là các điểm hẹn với sự có mặt của thiên nhiên thơ mộng, thanh vắng, đầy thanh sắc, gọi tình, để liên tưởng đến nỗi trái gái hẹn hò tình tứ như bên nước, hồ nước, dòng nước, khóm cây...Không phải ngẫu nhiên mà Hàn Mặc Tử hay nhắc đến bên sông trắng, dòng nước buồn thiu, bên Trĩ m Dục ng, bên Hàn Giang, bên lòng em, sông Hương, sông Ngân, cầu Ô Thôn...:

Gió theo lời gió mây đưa ng mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bên sông trăng đó
Có chèo trăng vấp kịp tôi nay.
(Đây thôn Vĩ Dạ)

Sông Ngân Hà nối gĩa màn đêm
(Đà Lạt trăng mờ)

Thuyền anh neo đậu bên Hàn Giang
(Khói hương tan)

Tôi ngửi hương bên Hàn Giang
Khóc thôi mây nước bàng hoàn suốt đêm
(Bên Hàn Giang)

Thu đây rồi! Bức lên cầu Ô Thôn
(Đợi cho lòng bay xa)

Trăng vàng ngọc, trăng ân tình chắp phôi!
Ta nhìn trăng, khôn xiết ngậm ngùi trăng
Ta vãi tung thơ lên trên sông Hương
Thơ phép tắc bông kêu trên thơ thi t.
(Phan Thiệu t ! Phan Thiệu t)

Điểm hẹn tình yêu trong thơ Hàn Mặc Tử hay gặp với khóm cây (trên đọt tre già, khóm thùi dục ng, khóm vi lau, bên liêu, cành liêu, ngàn lau, sóng cầu, giàn thiên lý, cành trúc...) như là dấu tích kỷ niệm của đôi:

Trên đọt tre già trăng lơ lửng liêu

Hỡi trăng hãy chờ t khóm thù dĩa ng
(Tiếng Vang)

Trăng nếm sóng soi trên cành liễu
(Bên Làn)

Bên khóm thù dĩa ng em thốt tha
Bên này bên liễu anh trông qua
(Âm thầm)

Ánh nắng lao xao trên đọt tre
(Quả dừa)

Trên giàn thiên lý bóng xuân sang

...
Sóng cỏ xanh thổi gió nồm trời
(Mùa xuân chín)

Đó là những hình ảnh cây lá thanh nhã hữu tình trong khuôn viên của mảnh vườn tình ái trăn gian.

Điểm hẹn tình yêu chớm nở trong những tiếng, đây là vườn nên hoa lá xôn xao và những tiếng nhạn hoa trái đến bất ngờ. Đó là “trái trăng chao vô hồn” (Say thơ), nó không còn là mảnh vườn trăn gian nữa. Đó mới là:

Trái cây bên ngai cỏ bên ngai
Hoa lá hờnghi sấm đấm
(Xuân dừa tiên)

Cuối cùng, không gian điểm hẹn ái tình của Hàn Mặc Tử là chốn nơi non thanh tú thanh sơ, gió mát trăng trong:

Đây có suối đoàn viên
Có cây phượng hờn, có duyên ngọc vàng.
(Duyên kỳ ng)

Đó quả là vườn tiên những tiếng, chốn Bên Lai tiên cảnh, Đào Nguyên tiên cảnh trong thơ. Nơi này có chim kêu, vườn nở, suối trong, tiếng tiêu trong sáng gợi nên tình:

Ta reo lên với đàn thông rì rì
Cho lay bay tình ý xa xăm
Xin mời chàng tài hoa thi sĩ đó
Ngồi xuống đây bên thềm ngọc với tiên châu.
(Duyên kỳ ng)

Như vậy, từ minh chứng tình ái trên thơ, Hàn Mặc Tử đi qua những điểm hạn ái tình giảng mức sự tiến bộ trong rung rinh không bị biến đổi đến với minh chứng ái tình tâm tưởng là những vần thơ *trắng*, *vàng*, *tiên*. Từ *bên sông trắng* ở thôn Vạn Dũ, thi sĩ đã đi đến *bên mộng*, *bên tình* và chủ đích cuối cùng là *bên lòng em*. Những tiếc thay, *con thuyền trắng*, *con thuyền tình* ái trên dòng sông trắng, dòng sông thì ca mà những tiếng gọi mãi mãi mà không sao tới được *bên lòng em*.

2. Không gian vây bọc, rậm máu:

Định mệnh số phận nghiệt ngã đã xô đẩy Hàn Mặc Tử đến với cõi thẳm cô đơn, dằng dặc như phi cách ly hoàn toàn với cuộc đời. Nhà thơ luôn luôn sống trong cảm giác bị vây hãm, bọc vây trong cái không gian *trời sâu*, *giếng trời*. Ám ảnh đó cứ đeo bám thi sĩ và hiện ra bằng tâm tưởng cô đơn khiếp:

*Tôi đang còn đây hay đâu
Ai đem tôi bỏ dưng ở trời sâu ?
(Nhớ ngời giếng trời)*

*Chao ôi ! Ghê quá trong tôi tiếng
Máu vũng cô liêu cũ vẫn rỉ
(Cô liêu)*

Sau khi mắc bệnh nan y, Hàn Mặc Tử luôn ám ảnh và mắc cảm vật thân phận bị bó rới. Thi sĩ chỉ với sự tuyệt vọng giữa không gian hãi hùng của *trời sâu*, chốn lều đày của những thân phận bất hạnh.

Ngoài ám ảnh không gian *trời sâu*, Hàn Mặc Tử còn bị ám ảnh bởi không gian *đáy giếng* tối om bọc vây mặt trăng. Thi sĩ đã:

*Thét chồm sao hoàng rọi vào đáy giếng
Mà muôn năm rậm máu trong không gian.
(Rậm máu)*

Thi sĩ lại rùng rợn khi cảm nhận:

*Nghe tiếng giếng nghe, tiếng nghe trong đáy giếng
Tiếng vàng rọi chìm lịm xuống huyệt vô
(Thi sĩ Chàm)*

Và hoàng sơ tít cùng:

*Miếng giếng hơ ra
Nứt c bao la
Nứt vì sao rọi
Loạn rọi ! Loạn rọi, ôi giếng loạn!*

*Ta hoang hoang, hoang vĩa, ta hoang thiên
Nhảy ùm xuống giếng xuống trăng lên
(Trăng tôi tôi)*

Tâm trạng phức tạp của Hàn Mặc Tử là lúc nào cũng cảm thấy bế tắc, bế tắc, như đang rơi vào một vực thẳm vô tận không đáy với một cái gì đó khiếp. Cảm giác này kêu lên một tiếng vọng dài thênh trong không gian:

*Trời ơi bao giờ tôi chết đi
Bao giờ tôi hết được yêu vì
Bao giờ mặt nhợt tan thành máu
Và khi lòng tôi còn ngổn si
(Nhớ ngẩn tôi)*

Một trái tim máu lênh láng tràn ngập khắp vũ trụ mệnh mông còn con người thì thu nhỏ lại cô độc nhỏ bé trong một khi lòng còn ngổn si. Con người gì đây chỉ còn một và một mà thôi:

*Một khi tình nồng già âm u
Một khi đau rã lìa theo huyệt ngạo
Một bài thơ cháy tan trong nắng rã
Một lời run hoai hóp già không trung.
(Trên ngẩn ngẩn)*

Và tất cả “hóa thành vũng máu đào trong ác mộng” (Trên ngẩn ngẩn). Có thể xem đây là ám ảnh siêu thực khiếp trong Hàn Mặc Tử: một nhợt tan chảy thành máu, vũ trụ tình không nhuốm được một màu máu rừng rợn. Nếu thơ ngạo đau quặn quặn đã hiện ra bằng một không gian và cái thời gian rã rã máu vô tận “mà muôn năm rã rã máu trong không gian” (Rã rã máu). Như hình ảnh vũng máu, vũng trắng, vũng hoang, vũng cô liêu, vũng sông... ngày càng dày đặc ám ảnh trong thơ Hàn Mặc Tử:

*Ta cảm thuyến chính già vũng hoang ta
Đây bãi cô liêu lìa nhợt nhợt
(Biết hoang ta)*

*Tôi chìm hoang xuống một vũng trắng đêm
Cho trắng ngập trắng dần lên tôi ngổn c
(Hoang là ai)*

*Cái tôi ta ngổn ngổn trong vũng huyết
Trời ơi niềm đau trên mặt nhợt mong manh
(Rã rã máu)*

*Chào ôi ! Ghê quá trong tôi tôi
Một vũng cô liêu cũ vẩn đục
(Cô liêu)*

*Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hương
(Đêm xuân cũ u buồn)*

*Ta lồi đình thơ chiêm bao liến mi
Sao tan tành rồi xuông vũng chiêm bao
Trắng tan tành rồi xuông mặt cù lao
(Phan Thiệt ! Phan Thiệt)*

Mọi sự vật thiên nhiên vũ trụ đều nhuốm màu cảm thân phận bị đất cía thi nhân. Con người giăng nh trắng sao đang chìm trong lòng giếng lạnh, con quái vật hu vô há miệng nuốt c bao la, nuốt vì sao...đi biến thành giếng lòn. Cánh trăng v hìm trong lòng giếng lạnh là mặt ma l c ám g i ghê ng i. Lòng người c đ n, u hoài hóa thành lòng giếng lạnh đi chính mình nh y xuông cái giếng lạnh y v t l y vng trăng tâm hồn đang chìm v , bu t giá kinh hoàng.

3. Không gian v t thoát:

Hàn Mặc Tử viết nhiều thơ v trắng, sao và bóng đêm, b i nó là nh ng ám nh th i gian tăm t i, c đ n, u huy n c a ng i thi sĩ. B c m từ b i th xác b nh t t đau đ n dày vò, Hàn Mặc t liên ti p có nh ng cu c “v t ng c” tình th n. Thi sĩ mu n quên đi t t c cái không gian b v b a kh đầu:

*Anh điên anh nói nh ng i d i
Van l y không gian vò nh ng ngày
(L u luy n)*

*Ta ch p hai tay l y quỳ hoan h o
Ng a trông cao cũ u buồn tr ng không gian
(Đêm xuân cũ u buồn)*

*Bây giờ tôi d i tôi điên
Ch p tay tôi l i c mi n không gian
(M t mi ng trắng)*

Có lúc nhà thơ “ng a trông cao cũ u buồn tr ng không gian”, nghĩa là nh mu n xóa đi t t c nh ng đ u tích b t h nh th m k ch đ i ng i, đ ch còn l i m t không gian màu tr ng h vò. Có khi c n gi n sôi s c làm cho thi nhân buông l i buồn r a “tôi d a không gian r a t i cùng” (*Ch i trên trăng*), buồn r a cái không gian v b a, c đ n c a tr i sâu, giếng th m và không gian r m máu đ bay lên m t không gian vũ tr cao vút trên thnh không *Th ng thanh khí*. Chính vì th mà trong th Hàn Mặc Tử xu t hi n ám nh v m t không gian v t thoát. N i đó là “cung Qu”, x “Say m”, đ ng “Huy n không”, v t ra ngoài “côi H linh”, có “t i ng nh c Ngê Th ng” thiêng liêng, tràn ng p trắng thanh, gió mát “đ y trình t i t và đ y thanh s c”. N i đó chính là th gi i m i c a riêng Hàn Mặc Tử, là mùa Xuân nh ý v i C m châu duyên, Duyên kỳ ng và Qu n tiên h i:

Lên chơi cùng Quê tôi đâu
 Ôi phép lạ, ôi niềm màu
 Vì tôi tiên sáng láng như lòng người thi nhân
 (Chơi trên trăng)

Sông Ngân đã im lìm trong tiếng sóng
 Mà lòng anh rào rào mãi không thôi !
 Tiếng cao khúc Nghệ Thuật đang vọng
 Nghe gì đâu, em ơi ! Ráng mây trôi.
 (Sáng láng)

Đấy là tất cả người anh tiêu tán
 Cùng trăng sao bàng bạc xấp Say M
 Cùng tình em tha thiết như văn thơ
 Ràng rào mãi cho đến ngày tôi về.
 (Trên tiếng tiếng)

Không phải ngẫu nhiên mà Hàn Mặc Tử viết nhiều về những thái bay, di chuyển không gian vượt thoát. Lúc nào nhà thơ cũng tìm kiếm âm thanh và sự vượt thoát khỏi cái ngục tù thế xác, bay lên trong tâm tưởng “Em muốn bay thẳng lên trời...” (Chơi giữa mùa trăng). Hàng loạt tác phẩm di chuyển không gian vượt thoát đã xuất hiện dày đặc trong thơ Hàn Mặc Tử :

Cu trùng là chim xa xôi
 Chim én làm sao bay đến nơi
 (Ghen)

Ta không nhận ra đâu
 Mà lòng ta say
 Vì lòng náo nức muốn
 Ghì lấy đám mây bay.
 (Ngồi với trăng)

Ta khấc hèn ra ngoài cửa miêng
 Cho bay lên hí hửng với ngàn khế.
 (Say trăng)

Ta há miêng cho người nếm trào vút
 Đến ngẩng bay sáng láng như sao sa.
 (Người nếm)

Thôi tôi bay suốt một đời chửa tha
 Hèn tôi bay đến bao giờ mới về
 Trên triêu thiên nga chói ánh hào quang ?
 (Thánh nữ đến trình Maria)

Như khi xưa ta là chim Phụng Hoàng
Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất
Bay từ Đâu Ly đến trời Đâu Suốt
Và lùa theo không biết mấy là hàng.
(Phan Thiệu ! Phan Thiệu)

Ta bay lên ! Ta bay lên
Gió thổi đưa ta tới nguy nga
Ta ở trên cao nhìn trời xuống
Lâng lâng mây khói quyên trắng đêm.
(Chim trên trắng)

Có thể nói đó là sự vượt thoát bằng mộng tưởng, mô típ chim Phụng Hoàng gắn với không gian vượt thoát “Phụng Hoàng bay trong một trời trăng sao”, “Như khi xưa ta là chim Phụng Hoàng” đã thể hiện khát vọng vươn tới sự cao cả, phi thường, đáng thời bất cứ ý thức kêu hãnh vọng thiên chức thi nhân của Hàn Mặc Tử. Như nhà thơ này đây cánh chim hỡi âu kiều đứng của Baudelaire từng bay vút lên trời xanh, thoát ly hẳn cuộc sống bầy đàn khổ đau nhân thế, thì nay trên đôi cánh hùng vĩ của Phụng Hoàng, Hàn Mặc Tử như được siêu thăng vượt thoát khỏi mọi đau đớn thế xác “sống sống tên điên”, “rơm máu” đa thệ khiếp. Cả Baudelaire và Hàn Mặc Tử đều mong muốn trở thành Ông Hoàng của mây trời, của cõi vũ trụ bao la, của thính không với với, từng tầng, lớp lớp *Thơ thơ thanh khí* cao sang...tuy nhiên không phải lúc Hàn Mặc Tử cũng vượt thoát bằng mộng tưởng. Con người không thể sống mãi bằng chiêm bao. Đó là chưa kể lúc tỉnh mộng, nhà thơ xót xa vì sự phồn thịnh, phiêu bạt, lạc lõng của mình:

Ngày mai tôi bỏ làm thi sĩ
Em lấy chồng rồi hốt nhiên
(Em lấy chồng)

Trên đường gió bụi anh lang thang
Bên đời như cào lẹch khắp rặng
Không có nhà ai cho nghỉ ngơi
Vì anh là kẻ chông chênh giàu sang.
(Đi phiêu lãng)

Và đau đớn khi nhận ra sự phân ly đang diễn ra ngay cả trong không gian:

Gió theo tôi gió mây đến mây
Dòng nước buồm thiêu hoa bắp lay
(Đâu thôn Vĩ Dạ)

Bàng hoàng khi nhận thấy sự phân ly cũng đang diễn ra trong con người mình:

Hồn là ai ? Là gì ? Tôi chông chênh
Hồn theo tôi như muôn con tôi chông chênh

(...)

Hồn là ai ? Là ai ? Tôi không hay
(Hồn là ai)

Hồn quí không mong muốn của vút thoát là có khi phải chấp nhận rơi vào phiêu lãng. Âm ảnh với sự phiêu lãng của mặt Trích Tiên bước với giữa cõi trần đau khổ và cô đơn để rồi đi đến tận cùng các mô típ “Tiên hành khất”, “lãng tử”, “khách bước với”:

Lãng tử ơi ! Mi là tiên hành khất
Mà không chết như trớ cớ nhân
(Lang thang)

Trớ cớ sân anh thơ thẩn
Đăm đăm trông nhìn với
Mây chiều còn phiêu bước
Lang thang trên đời quê.
(Tình quê)

Mây trắng bay ngang trời với với
Đời anh lưu lạc thế bao giờ
Đi đi...đi mãi nơi vô định
Tìm cái phiêu lãng cái trớ cớ.
(Đời phiêu lãng)

Và cuối cùng là không gian phiêu diêu trên tình không bao giác của linh hồn lưu lạc:

Rơi xuống sự bay tìm muôn thế khí
Mà muôn sao xa cách cõi hoang sơ
(Hồn là khách xác)

4. Không gian kỳ dị và lối thơ ng:

Trong bài viết *Nghệ thuật là gì ?* năm 1935, Hàn Mặc Tử nhận mình nhà thơ có “năng lực mãnh mẽ với tình thần, thơ năng lực y nó làm cho con người thêm hình ảnh khi đi tìm cái siêu”. Hàn Mặc Tử “đi tìm cái siêu” “ở chốn xa xăm, thiêng liêng và huyền bí”. Nhà thơ “nhìn mặt cung đàn, bím mặt trăng, rung rinh mặt làn ánh sáng”, thơ Hàn có mặt người “sáng”, lối thơ và tâm thơ của người thi sĩ rất kỳ dị.

Độc thơ Hàn Mặc Tử, nhà phê bình Hoài Thanh có cảm nhận mình như lạc vào “cái thế giới kỳ dị”, “đi trong mê mẩn”, thấy người thơ của thi sĩ này như thụt lùi lòng. *Xuân nh* ý có những câu thơ đẹp mặt cách lùi lòng”, cũng với trong *Máu cuống và hồn điên* “không thấy có tí gì gì với với cớ như trớ cớ mặt. Trớ đời này thơ của riêng Hàn Mặc Tử ... trong văn thơ cũng không có gì kinh dị hơn.”

Trong cái nhìn nghệ thuật của Hàn Mặc Tử, cái sống kia biểu hiện như một cõi nhàn thảnh thơi, thảnh thơi thảnh thơi. Cái sống trong vũ trụ thảnh thơi xuất hiện cùng với tâm trạng nghệ sĩ, nghệ sĩ ngàng cõi của chế độ xã hội.

Tiếng đờng sau vùng lau cỏ mênh
Tiếng ca chen lộn tít trong ra...
Áo quần vo xuyến lên đầu gối
Da thịt, trổ i i! Trông rợn mình...
Nét cười i dờ i y và trên y
Không hôn, đờng nhau nết lộn lộn ...
(Nét cười i)

Gió rợn nhau đi trên cỏ rợn
Nhỏ to, câu chuyện, ô kìa coi
Trong lau nhò có đờng chi lộn
Hai bóng lung lay thảy cỏ mài...
(Khóm vi lau)

Bóng đêm nay trổ c c a bóng trắng quỳ
Sống mết xuống uồn mình theo dáng liêu
Lời nguy, gợn xanh nhò màu huyễn diêu
Nỗi lòng vi khách giỡn c n m
(Hãy nhò p h n em)

Nhà thơ đi tìm cái sống của đờ, anh ta cần phải chiêm lĩnh cho đờ c cái kỳ đờ. Hai thơ đó đan xen với nhau tạo ra hình thức mới mẻ và vô tận.

Lời thơ ngợm cợng, không rên rợ
Và máu tim anh vọt lóng lai
Thở trong lòng reo chợng ngợ
Tiếng vang tha thiết đờ i muôn n i...

Tiếng thông vi vút nhò van lộn...
Mây buồn v v n bay đờ non...
Ngây tình, bóng liêu câ không nói
Trong khóm vi lau có tiếng than
(Trên b)

Tất cả đờng thơ mà thi sĩ Hàn đi qua, ngay cả Đờng thi cũng đã trở ra như ánh sáng khác. Một hình thức Hàn có thể gói gọn trong hai phạm trù thơ m m: kỳ đờ và lộn thợng. Sống kỳ đờ và khác lộn đó trổ c h t thi nh, thi c m. Nhà thơ Baudelaire từng h t l i ca ng i nh ng ng i t do, biết “bay vào nh ng trợng sáng s a và thanh s ch...” (Lên cao), tôn vinh “ng i i hi u đ c ngôn ng c a nh ng s v t câ l ng”. Theo Baudelaire, nguyên t c m i h c c a thơ ca thu c v ngh thu t bi u t t ng, ông nh n m nh chính “trí t t ng t t ng đã đ y cho con ng i i cái ý nghĩa tinh th n c a màu s c, c a đ t ng nét, c a âm thanh, c a mùi h t ng, t kh i thu nó đã... tạo ra phép n đ”. Đ c

thơ Hàn Mặc Tử, ta thấy lối thơ cũng đầy ánh sáng. Thi cảm, thi nhĩ đức “nuôi mãi trong nguồn ánh sáng thiêng liêng”. Thi nhân “say sưa đi trong mênh mông”, “đi đến cõi mênh mông hoàn toàn”, “cả ra tiếng búng thơ sáng láng”. Thơ giàu thơ Hàn Mặc Tử có vẻ đẹp của một giọng thơ.

Verlaine chủ trương giọng thơ hồn thơ của thi. Hàn Mặc Tử cũng nói nhiều đến giọng thơ, cảnh chiêm bao, thời thơ giàu không nhìn thấy. Theo Hàn Mặc Tử, ý thơ nảy sinh từ trái tim, thơ diễn tả “những tiếng ca của tình cảm, của tiếng lòng, của một mảnh” thì sẽ ánh sáng của chiêm bao vậy rồi. Bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* khá tiêu biểu cho khuynh hướng tìm tòi sáng tạo này. Vì vậy, để có được *Đây thôn Vĩ Dạ*, Hàn Mặc Tử đã phải trải qua những âm thầm và những buồn bã, những nỗi đau đớn, những tình yêu đến nỗi đau đớn vô vọng. Hình thức của thơ là một nỗi khát vọng đến nỗi yêu, đến nỗi sống mãnh liệt của nhà thơ. Nhà thơ phá vỡ thế giới bên trong để tìm đến thế giới bên ngoài. Với huyền thoại xa xôi của thôn Vĩ hiện ra trong tâm thức đau đớn của một hồn thơ cô đơn. Thi sĩ từng ngẩng đầu ra một cõi nhân đang mong chờ mình, mà mình vẫn thôn Vĩ. Thi sĩ muốn tìm kiếm một thế giới mới, ao ước nghe thấy tiếng chào mời giọng cười của cô gái ấy. Thơ giàu *Đây thôn Vĩ Dạ* tràn đầy ánh sáng, thế giới khép kín chuyển hoá lẫn nhau. Con thuyền thơ trôi trong thế giới mơ, trong cõi mơ, con người và Hồn cũng chìm trong mơ.

Nếu thơ Xuân Diệu đề cập nhiều đến sắc và hương thì thơ Hàn Mặc Tử nói nhiều về âm thanh và ánh sáng. Chủ thể của Hàn Mặc Tử là cảm nhận được ánh sáng và âm điệu của sự vật. Hàn Mặc Tử quan niệm đến sự sáng bóng riêng biệt của sự vật và âm điệu của nó.

Hàn Mặc Tử lạc vào thế giới của cái kì diệu và lạ lùng, thế giới của âm thanh và ánh sáng. Thơ giàu có cấu trúc riêng, ý nghĩa riêng, quy luật vận động riêng. Chính bởi vì thế Hàn Mặc Tử luôn chú ý tới nhịp. Nhịp trong thơ thi sĩ Hàn trở thành tín hiệu báo mùa:

*Trong làn nắng ngời ngời khói mờ tan
(Mùa xuân chín)*

Nhịp thơ có vẻ riêng trong cái nhìn xuân tình của tác giả. Nhịp thơ không chỉ báo hiệu bóng xuân sang mà còn đánh dấu khoảnh khắc: mùa xuân bắt đầu chín. Nhịp thơ gắn liền với tâm trạng rạo rực xôn xao của hồn thơ. Bài thơ *Mùa xuân chín* dùng lối cái nhìn hết ra từ cõi nhớ. Nhịp thơ hoài niệm, thế giới hoài vọng chín theo sự chín của mùa xuân, tình xuân. Nhịp chín dĩ nhiên đẹp, nhưng phải đẹp buồn. Đẹp bởi cảnh xuân, tình xuân nồng nàn. Bütün bởi có kẻ theo chân bước của thời gian. Trong bài *Ngủ với trăng*, nhân vật trữ tình khao khát trăng gió và “đi bắt nắng ngời ngời, nắng reo, nắng cháy”. Nhịp thơ vang vọng lòng người thơ ra là hình ảnh phái sinh của kiểu nhịp cháy. Nhưng nếu nhịp thơ vang loang ra đến sông trăng, thì nhịp thơ, nhịp reo, nhịp cháy đây lại xuất hiện trong một không gian khá đặc biệt “trên sóng càn, sóng áo cô gái má đỏ hồng hồng”. Nhịp thơ, reo, cháy nhịp với ba cung bậc tình cảm khác nhau của con người: lòng im, xao xuyến và cuồng si. Ba trạng thái tình cảm ấy đến nỗi nhịp với ba cảm xúc sáng tạo. Hoá ra, nhịp thơ hiện thi hóm, thi cảm của nhà thơ.

Nhưng trong thơ Hàn Mặc Tử có “tươi” và có tình. Người ta thường nói: trăng sáng, sao sáng, còn Hàn Mặc Tử lại cảm thấy nắng sao. Nắng reo đã rồi, nắng sao, nắng trong đêm thì lại càng kỳ diệu. Có lẽ thơ nắng ấy chỉ xuất hiện trong thi giới thì ca của Hàn Mặc Tử với một tâm thơ trẻ tình đặc biệt “buồn trong nắng” (*Buồn ở đây*). Nhưng trong thơ Hàn thơ nắng gần với hoài niệm, phảng phất duyên tình: nắng vàng con mắt thấy duyên đâu. Nắng gần với duyên phận, nắng mang nỗi niềm cô đơn: “không duyên hỡi dế mong theo nắng” (*Duyên kỳ ngộ*). Nắng, thơ ánh sáng đặc biệt trong thơ Hàn, biến ảo theo cảm giác nỗi đau, nỗi nhớ. Biên độ nắng không có giới hạn, rùng mướt theo không gian xa cách, theo “thi giới ảo huyền”. Nắng cũng làm “khói mờ tan”, nắng đời làm “bài thơ cháy”. Ngay cả nắng mai cũng “điều đầu mũi sầu vô tình” (*Duyên kỳ ngộ*).

Nắng là một loại ánh sáng đặc biệt, “ánh sáng của chiêm bao, huyền diệu” (*Chị gái mùa trăng*). Nắng trở thành tín hiệu thơ mộng, báo hiệu “mùa thơ đang chín” (*Kêu gọi*). Nắng kích thích trí tưởng tượng của nhà thơ bay vào cõi mơ:

*Nắng càng cao lòng ta càng hăng hăng
Thơ lên rồi bay quá giới nhân văn...*
(*Duyên kỳ ngộ*)

*Ồi chao thơ ngấm bay theo dế nắng
Lướt vào xiêm áo mộng mạnh sao...*
(*Duyên kỳ ngộ*)

Số phận đáng của nắng tỏ ra thi giới của “cái tôi cùng”. Nắng vừa hoá giới đầu thơ nắng vừa ràng rịt nỗi đau. Nắng được nhìn qua lăng kính của hồn và xác.

*Nắng ơi, nắng có lên cao
Làm sao da thịt hăng hào thơ kia*
(*Duyên kỳ ngộ*)

Nói đến hồn, đến thơ không thể không nhắc tới nắng. Nắng hoà quyện với hồn, với thơ. Nắng và hồn ở trong thơ: cái vũ trụ do Hàn Mặc Tử sáng tạo ra. Hàn Mặc Tử ít nói đến nắng thu, nắng hè... thi sĩ có một tình yêu nắng hân hoan với nắng xuân. Nắng xuân ấm áp, quẩn riết lấy thi sĩ. Xuân trong thi giới của Hàn Mặc Tử cũng khá lạ: *xuân mộng, xuân gấm, xuân thơ mộng, xuân lách sặc*. Hình tượng “xuân” chùng qua do con người hoá thân mà thành, nhưng không phải con người ở trên thế, trên thơ mà một người “ngủ”, người của “cõi mộng, cao quý thanh sạch” (*Cô gái đường trinh*). Tuổi xuân là *Ngủ như ý*, tên xuân là *Đàn lan hồng ngọc*. Xuân gần với mơ ước, “xuân tìm nắng tìm tôi” (*Tìm nắng*), nắng mơ.

Ánh sáng trong thi thi sĩ Hàn có hình khối, hình ảnh sắc chi tiết với trí quan trọng trong thơ, gần như trở thành điểm vẽ đo đếm thi giới. Bên cạnh ánh sáng của nắng, Hàn Mặc Tử còn thấy ánh sáng của trăng. Hàn Mặc Tử thấy ánh sáng trong trời của trăng rằm. “Trăng... tưởng tượng cho một mùa áo trắng... và hồn nữa, hiện hình của một người ngoài cõi chết chán.” (*Chị gái mùa trăng*) Trong trăng có hình ảnh thơ mộng, có nhạc, có hồn thơ và có tình. Tình thoát ra ngoài đời như mệnh mang trong bầu trời của chiêm bao.

Trong chiêm bao, trong vùng mộng siêu thĩ gian, đờn gió cũng phùng phất nhợng tiếng kêu rên cứa thẳm ng nhợ xa xa. Thơ giỡi ánh sáng thu hập hình tợng “trắng”. Thơ giỡi trắng, thơ giỡi cứa nhợng ao cứa nhợ thợng hập thành mọt thợng nhợt: thơ giỡi nghợ thuợt.

Trăng nếm sớng sớ i trên cãnh liú
Đợi gió đợng vớ đợ lợ lợ i
Hoa lá ngậy tình không muợ n đợng
Lòng em hợi hợp chợ Hợng i...
(Bợ n lợ n)

Trăng nếm, thơ mợng, chớng chớnh và hợ huyợn quá. Mà lợ i nếm sớng sớ i thì thợt táo bợo, gợi tình. Cợm xúc thợ bợng lên, rợo rợc men say ái tình. Cái khao khát “cuợng đợn” cứa trắng biú hiợn trong tợ thợ, tâm trợng, thợm chí cợ trong cái ý nghợ trợn thợ: đợ lợ lợ i.

Con ngợ i trong thơ Hàn Mặc Tử đợ c bao bợc bợng ánh sáng, bợng huyợn diú, say sớ a và ngậy ngợt vì ánh sáng, biú trợi cợng sáng con ngợ i cợng “hợng trợ”. Thợm chí đợ trong ánh sáng đợ mê, không biợt là có mình và nhợn mình là ai nợ a. Ánh sáng tợo ra cợ thợ sáng tợo cợm giác siêu thoát hay hợ vô. Ánh sáng vợ i vợ trợng trong, đợng trợnh, thanh thoát cứa nó - trong cợm quan cứa Hàn Mặc Tử - là hiợn thân cứa Đợng tợi linh, cứa Đợ c Mợ. Ánh sáng đợ c ví vợ i thợ ma lợ c vô song, xô thì sớ đợn bợ huyợn diú. “Mùa trắng bát ngát... lòng tôi rợc lên cợm hợng”, “tợ sợ thợ c đợ tợi bợo nhợ, tợ bợo nhợ đợ tợi huyợn diú, và tợ huyợn diú đợ tợi chiêm bao. Cợm giác mợng lung đợ trợm lên sợ vợt và cợi thợ c, bợ ánh sớnh cứa chiêm bao vớ riợt...” (*Chiêm bao vợ i sợ thợ c*). Ánh sáng vợ a vớnh viợn vợ a không vớnh viợn. Có ánh sáng thợ c, ánh sáng mợng. Có thợ ánh sáng tan thành bợt, có lợi ánh sáng muợn năm mà thi sớ khao khát chiợm giợ đợ c.

Trong cợm quan Hàn Mặc Tử, ánh sáng cứa các vợ tinh tú giợng nhợ châu ngợ c, hào quang, ánh sáng cứa sao, trắng hợp lợi thành mọt vợng trợ i mợng, khí hợo nhợn. Biợt bao nhiêu thợ ánh sáng, nợi bợt là ánh trắng. Chợ nào cợng trắng, “tợ ngợ chợ ngợ nhợ bợu thợ giợi... cợng đợng ngợp lợt trong trắng, đợng trợi nợi bình bợng đợn mọt đợa cợu nào khác...cợ không gian đợu chợp chợn nhợng màu sợc phiú diú...” Trên con đợ ngợ sáng lợng y, Hàn Mặc Tử đợ “tợm chân lý ngàn năm” (*Chiêm bao vợ i sợ thợ c*).

Bên cợnh hình nhợ ánh sáng, thơ Hàn Mặc Tử cợng trợn đợy âm thanh. Đợ là “tiợng thợt thanh rợng rợn”, là “giợng hợ n đợu trợm vợn nợi niợm riợng”. Hợ n mọt lợn thi sớ nghợ thợy âm thanh kỳ đợ chợn âm u:

Mọt khợi tình nợ c nợ giợ a âm u
Mọt hợ n đợu rợ lợn theo hợ ng khợi
Mọt bài thợ cháy tan trong nợ ng rợi
Mọt lợ i run hợi hợp giợ a không trung
(Trợ ng tợ ng tợ)

Trên ng thơ ng tái hiện tiếng nói siêu thực, tiếng nói đố thơ ng. Cảm quan về sự tồn tại của cái lố thơ ng đã xui khiến Hàn Mặc Tử tìm đến thơ gọi i Hô Vô, từ i cõi vô cùng.

Mi hay cõi siêu hình cao tít bực
Giã h vô xây dựng bực i trắng sao
(Siêu thoát)

Cũng hình nh, em h i, đ ng Huy n Không
Mà đêm nghe, tiếng khóc đầy lòng
trong ph i trong tim trong h n n a..
(Trên ng thơ ng)

Thi nhân nh y cảm với môi âm thanh, đ c biệt là âm thanh vang lên từ t t ng, âm thanh từ cõi m, cõi huyền của cuộc sống. Xuân Diệu bình b, đôi mắt xanh non bí c r n nên nhìn môi th đ u t i m i:

Không mu n đi, mãi mãi v n tr n,
Chân hoá r đ hút mùa đ i đ t.

Còn Hàn Mặc Tử c đi mãi vào sâu th gọi i tâm linh, th gọi i huyền hoặc của hồn và máu. Hàn Mặc Tử th y m i v t đang ch ng cu i cùng hoặc đ ng lao nhanh v ngày t n th, nên ông th y tr c c “th gọi i âm u”. Hàn Mặc Tử th ng t o ra m t th gọi i mệnh mông, không gọi i h n: không gian dày đ c toàn trắng c Tôi cũng trắng và nàng cũng trắng. Nhà th c a nh ng H ng th m và M t đ ng th ng n m l y tính ch t t ng tr ng c a m i hi n t ng. Thi nhân đ ng hoá th v i Hô Vô:

Đây là t t c ng i anh tiêu tán
Cùng trắng sao bàng bực x m say

Theo cách đi n đ t của Hàn Mặc Tử, thì Hô vô là m t th c t i đ c biệt, có thanh s c, hình hài:

Ánh trắng m ng quá không che n i
Nh ng v xanh xao c a m t h
Nh ng nét bu n bu n t li u r
Nh ng l i n n c a Hô vô

Mi hay cõi siêu hình cao tít bực
Giã h vô xây dựng bực i trắng sao
Xa l m r i, xa l m, hải nh ng bao
Ai t i đó ch ng mê man th n trí
(Huy n o)

Hàn Mặc Tử viết bằng thơ ng và “gic m” tr n v n của chính mình. M i th trong th gọi i th Hàn Mặc Tử đ u huyền o. Cái huyền o luôn đ p, b t kỳ cái

huyền nào cũng đẹp (André Breton), đặc thơ Hàn Mặc Tử, người đặc phải t duy và nhìn theo nhà thơ.

5. Không gian vĩnh hằng:

Đặc thơ Hàn Mặc Tử ta thấy ông muốn vẽ nên một không gian vĩnh hằng tồn tại cùng vũ trụ, cho dù là siêu hình mang ảo. Đây là khát vọng mãnh liệt nhất của Hàn Mặc Tử. Nhà thơ trải qua tất cả đau đớn và rên rỉ máu cả về thể xác lẫn tinh thần để được hồi sinh trong “cõi trời vô thủy vô chung”. Theo quan niệm của thi sĩ thì đó là nơi Trích tiên từng được hoàng hoan lạc vô biên của năm muôn năm và trời muôn trời. Đặc biệt, với Hàn Mặc Tử thì nơi ấy là nơi có “Trời hời nhiên một cõi”, “Trời cách biệt vô thủy vô chung” có ánh bình minh Bức Đồi “chiều cùng hết khắp ba ngàn thế giới” (Ave Maria). Đó còn là xứ “Say M”, chốn “Phong Trĩ”, là “Cung Qu”, “Cung Quàng Hàn”, có “lạ trời ai dốt với ai căng”. Thi sĩ sở dĩ có ý phẫn nộ như thế, trải nghiệm trong vũ trụ:

Áo ta rách rưới trời không vá
Mà bên mùa trăng mặt trời trắng.
(Lang thang)

Bên mùa xuân xoay của vũ trụ đều là “xuân” cả “Liên hồ đây bên mùa xuân cả bên” (Quên tiên hời) và “Trời xuân ! Trời xuân non nước” (Ngủ yên thềm). Bên mùa xuân ấy là:

Xuân vô cùng đến ngàn năm nên phẫn
(Duyên kỳ ngộ)

Xuân bay khắp thiên trí
(Tài hoa)

Xuân vô ra không biết bao nhiêu
(Cười xuân cười cười)

Xuân kỳ kỳ “là phong vật tái hòa của năm muôn năm, trời muôn trời trên châu lục và thiên không khí, bàng bạc cả dải Hà Sa, chen lẫn vô tận tâm hồn vào vũ trụ...khí xuân là mạch trời xuân bất tận” (Thơ Xuân nháy). Đó là không gian, thời gian sống động và bừng tiên nghi, siêu hình, tiềm thức, siêu cảm mà các tôn giáo gợi ý cho Hàn Mặc Tử:

Đây Miên trường, đây Vĩnh cửu Trời phi
Cao cao vượt hai hàng bóng vía
Trời nhợt nhạt bất cứ nơi đâu
(Đến cho lòng bay xa)

ở đây nhà thơ sống cao giáng:

Ta sống mãi với trăng sao gấm vóc
Trong lòng thơ m trong tình nh c thơ n bay
(Trở về thơ)

Có thể thấy tất cả đều vĩnh hằng trong mặt thơ không gian bao trùm siêu thế trong thơ Hàn Mặc Tử. Nhận cảm giác và quan niệm về không gian khách quan của đời sống thơ đã hoàn toàn biến hóa, “vũ trụ” thành “muôn mênh”. Hàn Mặc Tử đã hợp lại “muôn mênh” lấy tạo ra mặt thơ vũ trụ mới tồn tại trong một kiểu không gian nghệ thuật tổng hợp đầy màu sắc chủ quan. Đây chính là cách bày tỏ khát vọng mênh liệt muốn trở về cùng vũ trụ của mặt thơ duy thơ nhuốm màu siêu thế và tôn giáo duy tâm siêu hình.

III. Thơ i gian nghệ thuật:

Thơ i gian cùng với không gian là những hình thức tồn tại của thế giới và con người, không có gì có thể tồn tại ngoài không gian và thời gian và chính không gian, thời gian làm nên tính xác định cho sự vật. Giữa không gian và thời gian có mối quan hệ biện chứng với nhau, có thể xem thời gian là chiều thứ ba của không gian vậy, thời gian là mặt đi lên của quá trình tồn tại, vận động và phát triển của mọi sự vật, hiện tượng tồn tại trong thế giới.

Vậy thời gian nghệ thuật là gì? Theo giáo sư Trần Đình Sử: *thời gian nghệ thuật là hình tượng thời gian được sáng tạo nên trong tác phẩm*. Theo cách hiểu như vậy thì thời gian nghệ thuật trong thơ Hàn Mặc Tử chính là hình tượng thời gian mang tính chủ quan của nhà thơ Hàn Mặc Tử, thời gian nghệ thuật trong thơ Hàn Mặc Tử không diễn ra theo mũi tên mặt chiều của thời gian khách quan mà nó mang tính cảm xúc, tính quan niệm (đẩy chát chủ quan) của thi sĩ.

1. Thời gian truy đuổi:

Hôm có ai nói với tôi cô đơn và bị kích thích phần nh Hàn Mặc Tử bằng cách tái hiện không gian nghệ thuật có một không hai như thế này. Đọc và áp dụng nghĩ nghĩ của đời mênh, Hàn Mặc Tử như phải “sống” như “cái chết” của mình. Hàng ngày thi sĩ nhìn “chiếc đồng hồ cát số phận” với nhanh đến nỗi nghệ thuật thời gian còn lại. Bởi phần “truy kích”, Hàn Mặc Tử sáng tạo đến nỗi phải chạy đua với thời gian. Thế là ám ảnh thời gian truy đuổi hình thành, lúc nào thi sĩ cũng ám ảnh nỗi lo chuyển đồ tình ái lạ làng:

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có ch trăng với kếp tôi nay
(Đây thôn Vĩ Dạ)

Nhập điệu thơ i gian tâm tưởng là truy đuổi, gặp gáp. Trong thơ Hàn Mặc Tử xuất hiện ra nhiều từ ngữ diễn tả các động thái, các cung bậc tâm trạng ấy: *đuổi, bắt, kếp, mau lên, cho mau, tìm, kìm...* Trong *Ta Xuân như ý* Hàn Mặc Tử viết: “Cho mau lên đến ánh nguyệt vào đây”, mặt khác lại có “cho mau lại nguyệt nóng lên không”. Nhà thơ hoằng hốt trước thời gian trôi đi:

Lòng anh luôn mong hoàng vernal ngày trôi
(Ái khanh hỡi)

Song truy đuổi ngày càng quyệt liệt:

Tôi gò trắng lồi, tôi tìm sao bay
(Chạy trên trắng)

Bớt ! Bớt ! Tôi bay trong gió loàn
(Đi cào)

A ha ! Tôi đuổi theo trắng
(Rượt trắng)

Thêm chỉ là:

Ta đi bớt ngừng ngừng, ngừng reo, ngừng cháy
(Ngủ vernal trắng)

Tôi vo tấc mơn nhè vo lồi
Tôi giết thời gian trong nắm tay
(Chạy trên trắng)

Em túm muôn trồi lồi
Em cấn vernal hòng ngàn
(Em điên)

Đến khi nôi tuyệt vernal cùng cớ cớ dầy, nhà thơ tẻ nhè lòng:

Thôi kéo vernal đòng cho lòng bay xa
(Đòng cho lòng bay xa)

Thời gian nghệ thuật luôn mang dẫu nên chỉ quan cớ a nhà nghệ sĩ. Vernal Hàn Mặc Tử nhép điếu thời gian truy đuổi cớ nên hiên theo tâm tròng nhà thơ. Tôi Tôi Điên trồi vernal sau, nên tẻ ngừng vernal vernal, truy đuổi ngày càng xuýt hiên nhieu hèn vernal tẻn sẻ ngày càng dày đễ cớ hèn.

2. Thời gian gộp khúc, đứt gãy:

Sẻ phần Hàn Mặc Tử là mặt chuội thời gian dờ dang, nhứt là vernal tình yêu và sẻ sống. Tài hoa và bẻc mơnh là mặt nghệch lý cớ a biệt bao tài tẻ giai nhân nhè J.Leiba tẻng việt:

Thi nhân bẻc đườu sẻ m hẻn ai
(Hoa bẻc mơnh)

Nhưng Hàn Mặc Tử đi u này quá ngất ngã, đau khổ. Âm thanh và sự gặp khúc quanh và “đứt gãy” trở thành mô típ thi gian nghệ thuật trong thơ của thi sĩ. Đó là những thay đổi bất ngờ, đứt gãy:

*Tiếng gà gáy rừng trắng đêm u h
Tôi hoảng hốt lên giữa rừng sâu.
(Mặt trăng trắng)*

“Trăng rừng” nghĩa là đêm hốt, mà thi sĩ lại sống nhiều với trăng đêm, nên cảm giác nổi bật lên “sống sâu”. Có lúc vầng trăng “ngã ngửa”, “sụp đổ”, “vỡ tan”:

*Gió rít rừng cao trăng ngã ngửa
Vỡ tan thành vũng trăng vàng khô
(Say trăng)*

Dòng mạch thi gian biến đổi theo tâm trạng khi mạch thi nhân liên tục rơi vỡ:

*Ngày mai tôi bỏ làm thi sĩ
Em hãy chờ đợi tôi ở đâu đây.
(Em hãy chờ)*

Ngày mai thi nhân sẽ “bỏ” làm thi sĩ, nhưng hôm nay thì vẫn làm thơ. Một trường hợp khác cũng tương tự như vậy, giữa khung cảnh Mùa xuân chín thì non rừng rộn niềm vui, các cô thôn nữ đang say sưa trong tiếng hát thì đứt nhiên nhà thơ liên tục đứt mạch cảm chia lìa:

*Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chàng bỏ cuộc chơi.
(Mùa xuân chín)*

Trong bài *Đầy thôn Vĩ Dạ*, tâm trạng thi nhân đang vui với “nồng mồi”, “nồng hàng cau”, với “vườn ai mướt quá xanh như ngọc” và “lá trúc che ngang mặt chữ điền” thì nỗi buồn chia ly ập đến cùng trăng đêm. Tất cả mai vụt biến đến trăng khuya là mặt sự “đứt gãy” của tâm trạng đầy bất ngờ:

*Gió theo tôi gió mây đến mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có trăng trắng vờ lấp tối nay.*

Đến đoạn cuối thì hoàn toàn là thi gian ám ảnh dày đặc mặt màu sống động khó nhốt nhòa trong tâm trạng, không thể phân biệt được đêm ngày:

Đây sống như khói mờ nhân gian

Ai biết tình ai có đủ mừa.

Phôi đây là thời gian đong hiên, xen lộn hiên tụi, quá khố và tồ ng lai theo các trờng thái tâm trờng và mớ cớ m chia lìa, , đố t gây, mớ t thố thố i gian “gồ p khố” nồ i tâm cồ a thi nhàn ? Thố m chí tồ ng đầ n ngầ ngầ du đồ ng ồ nồ i tiề n cồ nh vồ nh hồ ng “chồ n nồ c non thanh tú” cồ đố t nhiề n phôi:

Ôi ôi! Hãm ḅ t cung tṛ m ḷ i
(C̣ m châu duyên)

Ngày đđn giđc mđng tình Thđđng Thđđng đđp nhđ mđ vđy mà bđt ngđ nhuđm màu ly biđt:

Anh s

đi và hai hàng l

a
 C

đầu th

ng th

ng đ

n đ

p xót tâm bào
 (...)
 Anh ch

ngó em trong ch

c lát
 Đ

h

n th

rào r

t v

i mây bay.
 (...)
 Thôi chào em, gi

đi không tr

l

i
 Anh xa r

i mà h

ng ph

n v

n theo luôn
 (...)
 B

nàng đi đ

h

n ta mang mác
 (...)
 Thôi thôi em m

ng tàn theo châu l

(Duyên kỳ ng

)

Tình yêu nự hoa tḥm ngát ṛi cḥt tàn phai ḅi bịt ly ḅt ng̣ xụt hịn. Ấm ãnh chia phôi, ḷ làng in ḍu trong nhịu hình ãnh, ngôn ng̣ tḥ Hàn Ṃc Ṭ. Nó g̣i ra cái gì đ̣t ng̣t, g̣p khúc, đ̣t gãy trong c̣m giác ṿ tḥi gian ng̣n ng̣i c̣a cục đ̣i ng̣i i thi sĩ tài hoa ṃnh đọn.

C. K t Lu n:

Hàn Mặc Tử sau khi dứt dần trình độ mà học Địch ng thi cổ điển (*Lê Thanh thi* p) đã ló t qua lăng mìn (*Gái quê và phần đầu của Đau thơ ng*) b b c vào t ng tr ng, ch m đ n siêu th c (ph n sau của *Đau thơ ng*, *Xuân nh ý*, *Th ng thanh khí*) r i cu i cùng tr v v i l ng m n mang màu s c ph ng Đông (*C m châu duyên*, *Duyên kỳ ng*, *Qu n tiên h i*). Đây là m t hi n t ng l trong phong trào Thơ m i.

Châu Ninh hướng các trào lưu lãng mạn, lãng mạn, siêu thực phương Tây, Hàn Mặc Tử đã công bố những tuyên ngôn nghệ thuật “kinh điển”. Đó là những thái sáng tạo kỳ lạ theo các quan niệm lãng mạn, lãng mạn, nghệ thuật siêu thực, đầy quan niệm “nghệ thuật vì nghệ thuật” đến tận tận. Đối tượng thẩm mỹ của “Thơ Điện” là thơ giai tiên nghiệm, tiềm thức, chiêm bao.

Thơ Hàn Mặc Tử còn là những biến hóa “kinh dị” của một con người vượt tung thanh muôn mảnh *Hồn, Xác, Trăng, Máu...* trong những hoàn cảnh đau đớn đến tận kích số phận, tạo ra cái Lạ của Hàn Mặc Tử với cảm xúc lãng mạn đến say và cũng đầy nghịch lý, vừa cuồng si, thêm khác lạ vừa một cảm xúc khác, tuy thế thơ mà cũng đầy hoan lạc vô biên.

Cõi thơ Hàn Mặc Tử tràn đầy những không gian, thời gian nghệ thuật kỳ lạ. Khao khát tình yêu nồng si cuồng đến đã hình thành không gian đi tìm hồn ái tình với những mô típ vô tận tình. Thơ kích số phận ám ảnh thi sĩ tạo thành không gian rùng rợn máu, không gian vây bọc, thời gian truy đuổi. Một cảm chia lìa, đau đớn mảnh trong Hàn Mặc Tử tạo ra thời gian gấp khúc, đứt gãy đứt gãy. Cuối cùng là khát vọng những không gian, thời gian vĩnh hằng...

Hàn Mặc Tử là hiện tượng độc đáo của phong trào Thơ mới trên những lộ trình thi ca cổ điển, lãng mạn, tượng trưng, siêu thực, kết hợp để tạo nên thành tựu văn học dân tộc trong bối cảnh giao lưu phương Đông và phương Tây, thanh lọc tinh hoa của nhân loại vào quá trình hiện đại hóa thi ca mà văn thơ mới bắt đầu từ Việt Nam.

Nghiên cứu thơ Hàn Mặc Tử ở góc độ thi pháp sẽ cho ta một cái nhìn rất tổng thể, bao quát thơ giai nghệ thuật của nhà thơ. Mặc dù tiểu luận này chỉ nghiên cứu ba phương pháp diện thi pháp là chủ yếu nhưng cũng đã phần nào cho ta thấy được diện mạo của một nhà thơ được xem là / *nhất*, và khi tiếp cận thơ Hàn Mặc Tử những phương pháp diện khác chúng ta cũng có những cảm nhận nhất định để khám phá, đi sâu hơn nữa vào nghệ thuật trong thơ Hàn Mặc Tử

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chu Quang Tiềm *Tâm lý văn học* (Khảo ngđc Đỉnh Tôn Dung dđch)_Nxb Đđi hđc quđc gia TP.HCM_TP.HCM_2003.
- Chu Văn Sơn *Thơ Điên Hàn Mặc Tử, thi học của cái tôi cùng_Tp chí văn học*, sđ 11_2000.
- Đđ Đđc Hiđu *Thi pháp hiđn đđi*_Nxb Hđi nhà văn_Hà Nđi_2000.
- Đđ Lai Thúy *Con mđt thđ*_Nxb Giáo đđc_Hà Nđi_1997.
- Hoàng Ngđc Hiđn *Văn học gđn và xa*_Nxb Giáo đđc_TPHCM_2006.
- Hoài Anh *Chân dung văn học*_Nxb Hđi nhà văn_Hà Nđi_2001.
- Hoài Thanh, Hoài Chân *Thi nhân Việt Nam*_Nxb Văn học_Hà Nđi_2009.
- Lđi Nguyễn Ân *150 thuđt ngđ văn học*_Nxb Đđi hđc quđc gia Hà Nđi_Hà Nđi_2004.
- Lê Bá Hán (chđ biên) *Tinh hoa thđ mđi, thđm bình và suy ngđm*_Nxb Giáo đđc_Hà Nđi_1998.
- Lđ Huy Nguyễn *Hàn Mặc Tử thđ và đđi*_Nxb Văn học_Hà Nđi_1995.
- Lý Hoài Thu (biên sođn) *Tuyđn tđp Phan Cđ Đđ (tđp 3)*_Nxb Giáo đđc_TPHCM_2006.
- Ngô Việt Dinh (biên sođn) *Đđn vđi thđ Hàn Mặc Tử*_Nxb Thanh niên_Hà Nđi_1998.
- Nguyễn Thái Hòa *Tđ đđn tu tđ phong cách thi pháp học*_Nxb Giáo đđc_Hà Nđi_2006.
- Nguyễn Thđ Dđ Khánh *Thi pháp học và vđn đđ giđng đđy văn học trong nhà trđ ng*_Nxb Giáo đđc_TPHCM_2006.
- Nguyễn Toàn Thắng *Hàn Mặc Tử và nhóm thđ Bình Đđnh*_NXb Giáo đđc_Hà Nđi_2007.
- Tôn Thđo Miên (biên sođn) *Hàn Mặc Tử tác phđm và lđi bình*_Nxb Văn học_Hà Nđi_2007.
- Trđn Đình Sđ *Đđn luđn thi pháp học*_NXb Giáo đđc_TPHCM_1998.
- Trđn Thđ Huyđn Trang *Hàn Mặc Tử, Hđ ng thđm và Mđt đđng*_Nxb Hđi nhà văn_Hà Nđi_1997.
- Vđđng Trí Nhân *Hàn Mặc Tử hôm qua và hôm nay*_Nxb Hđi nhà văn_Hà Nđi_1996.

M C L C

Tiêu đề	Trang
Lời nói đầu.....	1
A. Giới thiệu về tác giả, tác phẩm:	3
I. Cuộc đời:	3
II. Tác phẩm:	4
B. Tìm hiểu một vài phương diện thi pháp thơ Hàn Mặc Tử :.....	5
I. Quan niệm nghệ thuật về con người:.....	6
1. Con người vũ trụ:.....	6
2. Con người trong những trạng thái cảm xúc nghịch lý	7
3. Con người cô đơn, đau đớn:.....	8
4. Con người thèm khát ái tình mà lại đẩy mình vào cảnh khốn:	10
5. Con người phân thân, con người trong tiềm thức:	16
6. Con người mơ màng:	19
II. Không gian nghệ thuật:	20
1. Không gian đi tìm hạnh phúc:.....	20
2. Không gian vây bọc, rợp máu:	23
3. Không gian vượt thoát:	25
4. Không gian kỳ diệu thơ mộng:	28
5. Không gian vĩnh hằng:	34
III. Thời gian nghệ thuật:.....	35
1. Thời gian truy đuổi:.....	35
2. Thời gian gặp khúc, đứt gãy:	36
C. Kết luận:.....	38
Danh Mục Tài Liệu Tham Khảo	40
M C L C	41